

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

GIỚI,
ĐƯỜNG TỚI THIÊN ĐÀNG

SOẠN GIẢ: HT. LÊ VĂN THÊM

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2015
hai•không•một•năm

Ebook được làm theo tài liệu được trích từ ấn bản phổ biến trên Website **ĐAOCÁODAI-CHAUAU.EU** của **Văn Phòng Đại Diện Cao-Đài Châu Âu**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ HIỂN TẠI LÊ VĂN THÊM, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE ĐAOCÁODAI-CHAUAU.EU** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 29/10/2015

Tâm Nguyên

SOẠN GIẢ
HIỀN TẠI LÊ VĂN THÊM

GIỚI,
ĐƯỜNG TỚI THIÊN ĐÀNG



Published by
BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI
(Non-profit Religious Organisation)
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Phone: 408-238-6547, Fax: 408-440-1372
Email: dutani@comcast.net
Web: www.banthedao.org

GIỚI, Đường tới Thiên Đàng

SÁCH BIẾU — KHÔNG BÁN
Book Not for sale

Published by
BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI
(Non-profit religious Organisation)

(First-edition 2009–USA)

ISBN 978-0-9825307-0-2

ISBN-10: 0-9825307-0-6 \$0.00
ISBN-13: 978-0-9825307-0-2
9 0000 >



MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	7
TỰA	11
PHẦN THỨ I:	
TẦM QUAN TRỌNG CỦA GIỚI	13
▪ I- GIỚI VÀ LUÂN HỒI	14
▪ II- GIỚI VÀ NGHIỆP	20
□ 1)- Thầy dạy chúng ta tu là phải hiền, phải lành.....	25
□ 2)- Thầy dạy người tu đừng nên tạo nghiệp.....	26
▪ III- GIỚI VÀ ĐẠO.....	26
PHẦN THỨ II:	
NHỮNG NÉT VI-TẾ VỀ GIỚI “VỌNG NGŨ”	33
▪ I- NGÔN NGỮ VỚI CÁC TÔN GIÁO	33
□ 1)- Với Đạo Khổng,	33
□ 2)- Với Đạo Lão,	34
□ 3)- Với Đạo Chúa,	34
□ 4)- Riêng Đạo Cao Đài,	35
▪ II- ĐẶC TRUNG NGÔN NGỮ TRONG NGŨ GIỚI CỦA ĐẠO CAO ĐÀI.....	35
□ A- Đặc Trưng I:	37
□ B- Đặc Trưng II:	37
a.- Về ý nghiệp:.....	37
b.- Về khẩu nghiệp:	38
▪ III- NHỮNG NÉT VI TẾ CỦA NGÔN NGỮ.....	39
□ A- Ngôn ngữ tự tánh là “Không”	39

□ B- Ngôn ngữ do duyên hợp chớ bản thể là “Không” .41	
□ C- Ngôn ngữ không thật và không phải là sự thật. .43	
□ D- Ngôn ngữ là “không”, theo Kinh Kim Cang, Niết Bàn Lăng Già.....46	
1)- Trong Kinh Kim Cang46	
2)- Trong Kinh Niết Bàn hay Kinh Lăng Già47	
□ E- Ngôn ngữ hạn hẹp theo Đạo Đức Kinh.48	
■ IV- NGÔN NGỮ VÀ VỌNG NGỮ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI 50	
□ A- Nên nói thật nếu cần phải nói. Nên liệu lời mà nói.....54	
□ B- Đừng nói xảo mị. Đừng nói với mưu kế gian. Đừng nói khen chê và đừng dị nghị việc người54	
□ C- Ác ngữ65	
KẾT LUẬN 71	
TRI ÂN 77	

LỜI GIỚI THIỆU

NGUỜI TRÊN ĐỜI AI AI CŨNG MONG ĐƯỢC SỐNG TRÒN ĐẦY HẠNH PHÚC VÀ HOÀN TOÀN TỰ DO, tự do và hạnh phúc ngay trong cuộc đời này cũng như tự do và bình an sau khi cuộc đời mình đã mãn.

Quyển sách giới thiệu sau đây được viết nhằm vào mục đích đó.

Đó là làm cho mọi người khi đọc quyển sách này sẽ thấy vui tươi an lạc, không còn phiền não, vơi bớt khổ đau, sống tự tại an nhàn và sau khi tách bước ra đi sẽ có được an vui và tự do thật sự, hay nói rõ hơn là sẽ được siêu thăng, giải thoát.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại rất hân hoan giới thiệu đến quý đồng Đạo và quý độc giả tác phẩm “**Những nét vi tế về Giới**” do Hiền Tài Lê Văn Thềm biên soạn và dịch sang Anh Ngữ, chú trọng về ý (semantic) hơn là song tự ngữ văn (literal).

Tác giả Lê Văn Thềm thuở nhỏ là học sinh của trường Đạo Đức Học Đường tại Tòa Thánh Tây Ninh. Sau khi rời Đạo Đức Học Đường tác giả tiếp tục theo học tại Lycée Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho, đậu Tú Tài phần thứ Nhứt và Lycée J.J Rousseau (Chasseloup Laubat) Saigon, đậu Tú Tài Phần Hai Pháp, Ban Triết.

Sau khi đậu Tú Tài, tác giả đi dạy học tại các trường

Trung học Tư Thục Saigon, Tân An, Gò Công, Tây Ninh và làm Hiệu Trưởng trường Trung Học Tư Thục Tân Dân tại Quận Gò Đen tỉnh Tân An. Sau đó thi vào Đại học năm 1958, theo học bậc Đại Học tại Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, Saigon và tốt nghiệp trường này vào năm 1961.

Năm 1962, tác giả theo học quân sự, ra trường với cấp bậc Chuẩn Úy, được trả về Phủ Tổng Thống và sau đó được bổ nhiệm đến Tỉnh Chương Thiện vào năm 1963.

Năm 1964, tác giả được bổ nhiệm chức vụ Phó Tỉnh Trưởng tỉnh Chương Thiện và kế tiếp là Phó Tỉnh Trưởng các tỉnh Vĩnh Bình (Trà Vinh), Kiên Giang (Rạch Giá), Định Tường (Tiền Giang) và Phó Thị Trưởng Thị Xã Mỹ Tho.

Năm 1972, tác giả được Quốc Hội Việt Nam Cộng Hoà bầu vào chức vụ Giám Sát làm việc tại Giám Sát Viện cho đến ngày 30-04-1975.

Sau khi ở tù về vào năm 1988, tác giả qua được Úc Đại Lợi, tiếp tục theo học bậc Đại Học tại Deakin University, Melbourne và tốt nghiệp trường này với bằng Graduate Diploma in Interpreting & Translating, được Chánh Phủ Úc Đại Lợi công nhận là một Thông - Phiên Dịch Quốc Gia Úc Đại Lợi.

Trong lời nói đầu của quyển sách, tác giả có cho biết sách này được viết là nhằm giúp cho nhơn sanh thấy rõ đầu là con đường để đến Thiên Đàng và bất cứ ai cũng đều có thể đến được.

Nhận thấy Quyển Sách nhỏ này dù chỉ với 120 trang (Việt ngữ & Anh ngữ) nhưng đây là một biên khảo rất

công phu, có tính hệ thống, đã lý giải được một số vấn đề cốt lõi về “GIỚI” trong Giáo lý Đạo Cao Đài, đặc biệt là có tác dụng “*Khuyến Tu*”, nên Ban Thế Đạo Hải Ngoại rất vui mừng và hân hạnh giới thiệu cùng quý Đồng Đạo và độc giả.

Trân trọng giới thiệu.

San Jose, tháng 07-2009



TỰA

NỮ GIỚI TRONG ĐẠO CAO ĐÀI KHÔNG KHÁC
XA NỮ GIỚI CỦA ĐẠO PHẬT.

Ngũ Giới trong Đạo Cao Đài cũng gồm có: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói láo và không uống rượu. Mặc dù vậy, khi dạy về Ngũ Giới, giáo lý Đạo Cao Đài lại có sự nhấn mạnh về ngũ Giới, tức chú trọng đến lời nói.

Chính lời nói hay ngũ Giới là phần mà người tu dễ dính mắc nhất, dễ sai phạm nhất.

Thật vậy, nếu nói Giới kèm thúc thân gồm có ba là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm thì Giới liên quan đến ngôn ngữ “*tức lời nói*” lại có đến bốn. Đó là không nói láo, không nói thêu dệt, không nói đâm thọc và không nói lời độc ác.

Người tu ít khi sai phạm hay dính mắc các Giới về thân, vì đây là những việc làm thấy rõ mà con người có thể dễ tránh.

Còn đối với lời nói mà người ta cho rằng như gió thoảng mây bay, nói ra là mất, cộng thêm vào thói quen hay nói, nên con người rất dễ sai phạm.

Quyển sách này được viết đặc biệt chú ý đến bốn Giới thuộc lời nói nhằm giúp người tu thấu triệt để tránh được sai phạm bốn Giới này.

Nếu giữ được bốn Giới về lời nói, cộng thêm ba Giới

kềm thúc thân thì người tu đã giữ được bảy Giới. Chỉ cần tu tập và tránh được thêm ba thách thức tức ba Giới cuối cùng là Si mê, Tham lam và Sân hận thì người tu đã hành trì Thập Thiện, mà thực hành được Thập Thiện thì Thiên Đàng liền đến, tức sau khi từ già cõi đời người tu sẽ được thăng Thiên, nghĩa là lên được cõi Trời thay vì tái kiếp trở lại thế gian.

Nói rõ hơn, việc hành trì Thập Thiện sẽ giúp người tu đến được Thiên Đàng, nhưng lên được cao hay thấp, lên được đến từng Trời nào đó là còn tùy ở công tu, cách tu và mức độ tinh thức của mỗi nhơn sanh, tức sự giác ngộ của mỗi người.



PHẦN THỨ I TÂM QUAN TRỌNG CỦA GIỚI

1)– Giới là nền tảng căn bản của Đạo để dạy tín đồ tu hành, nghĩ thiện làm lành, quan trọng nhất là không tạo “*Nghiệp*”. Chính “*Nghiệp*” là động cơ dẫn dắt Luân hồi.

2)– Giới đối với người tu cũng như nền nhà đối với ngôi nhà. Muốn cho ngôi nhà càng bền càng cao thì nền nhà phải thật vững chắc. Người tu cũng vậy. Muốn tránh khỏi sinh tử Luân hồi và được siêu thăng hay giải thoát, trước tiên phải giữ gìn Giới, giống như trước khi muốn cất nhà phải xây nền nhà thật vững chắc vậy.

3)– Giới gồm những tín điều về đức hạnh, là Giáo pháp tiên khởi mà tín đồ của bất cứ tôn giáo nào cũng phải hành trì trước khi muốn tiến xa hơn nữa trên bước đường chuyển hoá tâm thức hay phổ độ.

4)– Giới là nấc thang lập cước, nấc thang đầu lập phước đức để bước lên các bậc thang công đức. Bất cứ khách trần nào, cư sĩ hay tu sĩ, thuộc bất cứ tôn giáo nào, một khi đã bước vào đường tu thì trước nhất phải lấy Giới làm căn bản. Người tu nếu không giữ Giới thì dù tu pháp môn nào vẫn không có nền tảng vững chắc. Công tu dù có nhưng chứng quả sẽ không, và dù có đi phổ độ như sanh, có hành pháp gì thì cũng không làm sao diệu dụng được.

Có nhiều người tu nghĩ rằng mình đã giữ tròn Ngũ Giới vì không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Cũng có nhiều vị hành hạnh phổ độ nghĩ rằng ngoài việc giữ gìn ngũ Giới, mình còn hành Tam Tụ Giới, tức đã giữ tròn Nhiếp Luật Nghi

Giới, Nhiếp Thiện Pháp Giới, Nhiều Ích Hữu Tình Giới, nghĩa là đã ngăn dứt không còn làm những điều ác, chỉ làm các điều thiện và làm lợi ích cho nhơn sanh qua con đường phổ độ. Hai cách nghĩ trên đây về tổng thể tức về phần thô thì có đúng. Dù vậy, nếu đi vào chi tiết quán xét phần tế thì vẫn còn nhiều điểm cần ghi nhận.

I- GIỚI VÀ LUÂN HỒI

Luân hồi trong giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và giáo lý nhà Phật có cùng chung một ý nghĩa. Luân hồi là tái sinh trong lục đạo khác với giải thoát.

Nói đến Nhân quả, Nghiệp báo, Luân hồi, nhiều người cho rằng đây là giáo lý của đạo Phật, một trong những đặc trưng để phân biệt đạo Phật với các Đạo khác. Sự thật không phải như vậy. Các thuyết Nhân quả, Nghiệp báo, Luân hồi thực ra đã có trước khi Thái Tử Tất Đạt Đa trở thành Đấng giác ngộ.

Thật vậy, kể từ thuở xa xưa, nhiều ngàn năm trước khi Đức Phật Thích Ca thành Đạo hay Đức Chúa Giê-Su giảng sanh, giáo thuyết Nhân quả, Nghiệp báo, Luân hồi đã xuất hiện trên khắp năm châu.

Tại nhiều quốc gia trên thế giới, từ các nước Bắc Âu, Tây Âu và Đông Âu đến các nước cổ Ai Cập, Phi Châu, Mỹ Châu, Úc Châu và nhất là Á Châu, thuyết Nhân quả, Nghiệp báo, Luân hồi được rất nhiều sắc dân, nhiều quốc gia, nhiều người tin tưởng. Bằng chứng là cho mãi đến ngày nay, giáo thuyết này vẫn còn ghi trong bộ Cổ Thư Luật Mã Nổ nổi tiếng của Ấn Độ đã có trên 4.000 năm trước Tây Lịch.

Ngày nay, thuyết Nhân quả, Luân hồi chẳng những được các tôn giáo và các nhà tâm linh thuyết giảng, mà cả giới khoa học, học giả cũng có lòng tin. Lòng tin đó căn cứ vào những chứng nghiệm hoàn toàn khoa học, thực hiện tại nhiều quốc gia trên thế giới, kể cả Hoa Kỳ vào cuối thế kỷ 20, bởi nhiều nhà khoa bảng và khoa học, trong đó đáng kể nhất là công trình nghiên cứu của bác sĩ Ian Stevenson.

Ian Stevenson vừa là bác sĩ vừa là giáo sư chuyên khoa tâm thần tại Hoa Kỳ. Ông đã bỏ nghề đang kiếm được nhiều tiền, đi khắp nơi trên thế giới, nghiên cứu thực nghiệm về Luân hồi. Qua hơn 10 năm thực nghiệm, phỏng vấn, quan sát tại chỗ, Ông viết nhiều bộ sách giá trị, trong đó có các bộ *Cases of Reincarnation* và *Reincarnation Type* (04 tập), *Twenty cases suggestive of Reincarnation* và *Children who remember previous lives*, tất cả đều do University Press của Đại học Virginia xuất bản.

Hiện nay, vấn đề Luân hồi tại Hoa Kỳ đã đi vào Đại học và Đại học cộng đồng, là môn nhiệm ý hay bắt buộc tùy một số phân khoa như phân khoa triết học, tâm lý, nghiên cứu xã hội, giáo dục, tôn giáo.

Báo chí Hoa Kỳ đã có bàn đến Luân hồi và các cuộc hội thảo của giới khoa học, học giả cũng thường được tổ chức. Gần đây, theo cuộc thăm dò của Viện Gallup thì ngày nay 23% người Mỹ trưởng thành tin rằng có Nghiệp báo, Luân hồi.

Vậy vấn đề Luân hồi đã được ghi nhận. Như vậy muốn tránh khỏi Luân hồi hay nếu còn bị Luân hồi chi phối thì ít nhất phải tránh khỏi ba ác đạo, người tu phải làm thế nào?

Cách tốt nhất để tránh Luân hồi vào ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là người tu phải giữ tròn Ngũ Giới. Có câu: “*Ngũ Giới bất trì, thế gian lộ tiệt*”, nghĩa là không hành trì Ngũ Giới thì bước đường tái sanh chuyển kiếp làm người sẽ gặp rất nhiều trở ngại. Người phạm Giới sẽ mất kiếp người nếu phạm nặng. Còn nếu phạm nhẹ, thí dụ thuộc vào loại bất định nghiệp, thì dù có trở lại được kiếp con người, đương cơ cũng phải chịu tội nguyên hay hèn kém, đó là để trả quả. Trong nhà Phật có câu:

“Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ thị giá;

Dục tri lai thế quả, kim sanh tại thị nhân”.

Nghĩa là muốn biết kiếp trước ta đã gieo nhân gì, thì cứ xem kiếp này ta như thế nào; và muốn biết tái kiếp ta sẽ ra sao thì cứ xem nhân mà ta gieo tạo ở kiếp này.

Như vậy giáo lý Nhân quả hay Nghiệp báo, Luân hồi là chân lý. Gieo nhân nào gặt quả đó, trồng dưa hái dưa, trồng đậu hái đậu là lẽ đương nhiên.

Đã biết triết lý Nhân quả, hay giáo lý Nghiệp báo, Luân hồi là hiển nhiên, là chân lý, người tu nên cố gắng làm thiện làm lành. Trong kinh Pháp Bảo Đàn, tại phẩm Nghi Vấn, Lục Tổ Huệ Năng có nói: “*Này thiện tri thức, thường làm mười điều lành thì Thiên Đường liền đến*”, có nghĩa nếu người tu hành trì Thập Thiện viên mãn, thì chắc chắn sẽ được siêu thăng “*chín tầng Trời đến vị*”, mà đến tầng nào, thấp hay cao, đó còn tùy cách tu và công tu mà chứng đắc.

Cũng vậy, nếu chưa hành trì được Thập Thiện mà còn muốn kiếp sau được tiếp tục tu, điều cần thiết là người tu phải giữ gìn Ngũ Giới để kiếp sau còn có thể giữ lại được

kiếp làm người mà tu.

Làm được kiếp con người, nói khác hơn đặc được
nhơn thân trong Luân hồi chuyển kiếp là một điều rất khó.

Bài Giới Tâm Kinh thuộc Thiên Đạo có nói rất rõ:

*“Để gì lộn kiếp được làm người,
May đặng làm người chớ dễ duôi.
Lành dữ hai đường vừa ý chọn,
Lành như tòng dữ tợ hoa tươi.*

* * *

*Hoa tươi tòng bá khác nhau xa,
Tòng bá xơ rờ kém sắc hoa.
Gặp tiết đông thiên sương tuyết bủa,
Chỉ còn tòng bá chẳng còn hoa”.*

Cũng với ý nghĩa này, Đức Chí Tôn trong Đoàn cơ
ngày 19-12-1926 có dạy: “Loài người phải chịu chuyển kiếp
ngàn năm muôn muôn lần mới đến địa vị nhơn phẩm”.

Ngoài ra, hằng ngày chúng ta cúng Tứ thời và nhiều
khi tụng Di Lạc Chơn Kinh. Vậy Kinh Di Lạc trước tiên
dạy ta như thế nào? Kinh nói: “Khai Kinh kệ vô thượng
thậm thâm vi diệu pháp, bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ, ngã
kim thánh văn đắc thọ trì, nguyện giải Tân kinh chơn thiệt
nghĩa”. Bá là một trăm, thiên là một ngàn, vạn là mười ngàn,
kiếp là một kiếp làm người; nan tao ngộ là khó gặp được.
Toàn thể câu “bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ” có nghĩa là
cả trăm kiếp, cả ngàn kiếp, cả mười ngàn kiếp hay cả tỉ
kiếp (nếu ba chữ bá thiên vạn kiếp cộng lại) ta đã không
có dịp gặp Kinh này để tụng đọc. Mà đọc đây là ai đọc?
Đó phải là bậc nhơn phẩm mới đọc được; chớ nếu còn
ở A-Tỳ hay làm ngạ quỷ, súc sanh thì làm sao đọc được.

Nói như thế có nghĩa là trước đây hoặc cả trăm, cả ngàn, cả vạn, cả tỷ kiếp, ta đã đánh mất kiếp làm người hoặc không gặp Đạo, do đó ta mới không tụng được Kinh này. Ngày nay đắc được nhân thân và gặp Đạo, quả là ta đã trải qua một hành trình đầy gian khổ và lâu dài. Chính vì lý do đó ta chớ nên đánh mất kiếp làm người của ta nữa. Một khi đã đánh mất rồi biết bao giờ mới tìm lại được. Nhiều khó khăn lắm! Với nỗi khó khăn này, trong Đạo Phật cũng có câu nói như sau:

*“Thiên niên khô thọ khai hoa dị,
Nhứt thất nhơn thân vạn kiếp nan phùng”.*

Nghĩa là cây khô ngàn năm mà trở được hoa còn dễ, chớ một khi đánh mất nhơn thân này rồi thì biết bao giờ mới tìm lại được.

Để chứng giải hai câu nói trên, trong giáo lý nhà Phật có câu chuyện như sau: Một hôm Tổ Bá Trượng, một vị Tổ Thiên Tông đăng Đàn thuyết pháp. Sau khi thuyết xong, tất cả tăng chúng lui ra. Duy chỉ có một cụ già ngồi lại mãi không về. Tổ thấy lạ bèn đến hỏi và cụ già thưa rằng:

– Thưa ngài, tôi không phải là người. Tôi là Giả hồ tinh.

Tổ Bá Trượng hỏi lý do, cụ già thưa:

– Thưa ngài, tôi trước đây cũng là một tỳ kheo trụ trì. Nhân một hôm có người đến hỏi: người tu cao có còn bị nhân quả không? Tôi trả lời không. Do đó Đức Thế Tôn bảo rằng tôi phỉ báng Phật vì Phật không có nói như vậy. Chính vì lý do này mà tôi bị phạt làm chồn 500 kiếp. Kính xin ngài gia ân cứu độ tôi.

Tổ Bá Trượng bảo: Vậy ông cứ hỏi lại ta đi, ta sẽ vì ông

mà nói. Ông già đặt câu hỏi và Tổ Bá Trượng trả lời rằng:

– Người tu cao không lắm hơn quả.

Nghe đến đây cụ già ngộ và thoát được kiếp chôn. Cụ già xin Tổ cho tặng chúng chôn giùm xác chôn của cụ ở trong hang động phía sau chùa với nghi lễ của một tu sĩ.

Câu chuyện trên đây cho thấy chỉ cần một lời nói sai mà phải bị đọa làm thú năm trăm kiếp, cho đến khi tỉnh ngộ mới trở lại được kiếp làm người.

Như vậy, được kiếp làm người rất khó và rất lâu. Nay ta đã được kiếp làm người, ta nên cố gắng giữ để mà hưởng phúc, để mà tu, tu kiếp này không siêu thăng hay giải thoát, kiếp sau tu tiếp.

Muốn giữ được kiếp làm người, điều cần thiết là phải giữ gìn Ngũ Giới. Nói khác hơn, giữ được Ngũ Giới là giữ được tái kiếp làm người. Ngũ Giới thật vô cùng quan trọng.

Đạo Cao Đài có Ngũ Giới. Đạo Phật cũng có Ngũ Giới và Đạo Chúa có mười Điều Răn để tín đồ hay con chiên noi theo đó mà tu hành. Dù vậy, vẫn có một số ít người còn chấp thường hay chấp đoạn. Chấp thường là cho rằng kiếp làm người của ta sẽ còn mãi, hết kiếp này đầu thai kiếp khác cũng sẽ làm người. Chấp đoạn, như một số người thế gian, cho rằng chết là hết, do đó cần gì phải giữ Giới hay Luật làm chi cho mệt. Hai cách chấp thường, chấp đoạn đều là sai, nên tránh, vì đó không phải là con đường Trung Đạo.

* * *

Thật ra, lý Nhân quả là sự thật hiển nhiên và giáo lý Nghiệp báo, Luân hồi hay báo ứng là chân lý bất khả

tư nghi. Trong Kinh Thiên Đạo, bài Giới Tâm Kinh có dạy rõ rằng:

*“Lẽ báo ứng cao thâm huyền diệu,
Cho chúng sanh đặng hiểu răn mình”.*

Nghĩa là Thầy dạy người tín đồ phải tự răn mình, cố gắng dụng công giữ gìn Giới cấm, vì lẽ báo ứng rất cao thâm và vô cùng huyền diệu. Luật ở thế gian thì còn có thể lách luồn tránh né được, nhưng Luật Thiên Đình thì “*dù thưa mà chẳng lọt mây lông*”. Biết như vậy, người tu nên cố gắng diu dặt, nhắc nhở, giúp đỡ nhau để cùng tinh tấn tu hành, mà trên bước đường tu hành, việc đầu tiên là phải giữ gìn ngũ Giới.

Giữ được ngũ Giới, ngoài xã hội sẽ an bình, trong gia đình hạnh phúc vì chồng chẳng lừa vợ, vợ chẳng dối chồng, một lòng một dạ thủy chung; phụ tử, tử hiếu chẳng những trong hành động mà cả trong ngôn từ, thì thử hỏi gia đình làm sao chẳng được an vui.

Hơn thế nữa, với lẽ báo ứng vi diệu thậm thâm, với nhân nào quả nấy, việc giữ gìn Ngũ Giới sẽ cứu độ người tu ít nhứt cũng còn giữ lại kiếp làm người để mà hưởng phước, để mà tu; chớ nếu phải đọa vào địa ngục hay làm ngạ quỷ, súc sanh thì việc tu tập sẽ rất khó thực hành.

II – GIỚI VÀ NGHIỆP

Giới và Nghiệp có liên quan mật thiết. Nếu Nghiệp và Luân hồi theo nhau như bóng với hình thì sự liên quan giữa Giới và Nghiệp được ví như bộ phận máy của một chiếc xe đối với cỗ xe vậy. Người giữ Giới sẽ không tạo Nghiệp. Nhưng lìa Giới để gây Nghiệp thì bước đường

tái sanh chuyển kiếp sẽ lắm khó khăn. Thánh giáo Đại Đạo có đoạn như sau:

*“Ngũa thuyền Thầy đợi khách sang chơn.
Khổ hạnh khuyên con chớ dạ hờn;
Sấm nghiệp trần gian còn phải khó,
Lựa là nghi trường tại Bồng Sơn”.*

Thầy vì thương nhơn sanh khổ ải nên thuyền cứu độ của Thầy luôn luôn sẵn sàng để đưa các con Thầy lia cảnh tục bến mê mà trở về bờ giác. Thuyền của Thầy chực chờ sẵn đó nhưng nhơn sanh có chịu bước lên không? Nếu muốn đi tức chịu tu, chịu lên thuyền của Thầy thì trước tiên phải tập hiền, tập lành, tập giữ Giới để không tạo Nghiệp. Thầy dạy rất rõ: “*Sấm Nghiệp trần gian còn phải khó*”, tức người tu nếu không giữ Giới để còn tạo Nghiệp thì bước đường trở về Chơn Tâm hay Phật Tánh, tìm lại Chơn Linh sẽ khó vô cùng.

Còn sấm Nghiệp trần gian là còn Luân hồi trong lục đạo và như vậy làm sao an hưởng được cảnh Thánh, Tiên, Phật là cảnh non Bồng.

Chính nhằm cứu vớt các con Thầy nên trong Đàn cơ ngày 18-1-1927 và 4 Đàn cơ năm Mậu Thìn 1928, Thầy đã ân cần nhắc nhở các con của Thầy muốn tu trước tiên phải hành trì ngũ Giới, vì Giới là căn bản.

Đạo Phật cũng vậy. Đức Phật Thích Ca đã dạy các đệ tử như sau: “*Hãy tuân theo chánh pháp của ta, hãy giữ gìn Giới luật mà tu thì Như Lai lúc nào cũng gần gũi. Nếu không theo Chánh pháp, không giữ Giới luật thì có Như Lai bên cạnh cũng chẳng giúp được gì*”.

Ngoài ra, Phật còn căn dặn Ngài A Nan rằng: “*Khi*

Phật còn tại thế thì kính Phật làm Thầy. Khi Phật tịch diệt rồi thì lấy Giới làm Thầy”. Đây là bốn phận của người tín đồ giữ gìn thế luật. Đó cũng là tôn trọng giáo pháp căn bản để tránh tạo nghiệp ác.

Người tu chớ nên nghĩ rằng tu là chỉ ăn chay và hằng ngày ở nhà hay đến Thánh Thất tụng kinh gõ mõ. Những chỉ trì này dù rất cần nhưng chưa đủ. Căn bản của việc tu hành là phải tác trì làm lành, lánh dữ và không bao giờ tạo nghiệp ác. Kinh và chuông mõ có mục đích dạy dỗ và nhắc nhở người tu tập tánh hiền, làm điều thiện để tạo nghiệp lành. Chính nghiệp mới là căn bản, là động cơ dẫn dắt Luân hồi.

Nói về Luân hồi, ta biết rằng khi ta chết đi rồi thì ta sẽ bỏ lại tất cả, tiền tài, của cải, danh vọng, thân bằng quyến thuộc và kể cả thân xác này. Thế nhưng còn nghiệp, và nghiệp theo ta như bóng với hình trên bước đường tái sanh chuyển kiếp.

Để lý giải giáo thuyết Luân hồi do nghiệp dẫn, và nghiệp theo ta như bóng với hình, đạo Chúa và đạo Phật có những câu chuyện như sau: Mạnh Thường Quân, người nước Tề thời Chiến Quốc, nổi danh là người ưa làm việc nghĩa. Vốn tính rộng rãi, ông thường đem tiền cho người túng thiếu vay mượn và cho độ thân trong nhà bất cứ ai lâm cảnh ngặt nghèo. Một hôm, ông sai gia nhân qua đất Tiết để thuê nợ. Ông còn dặn người gia nhân khi thuê được nợ hãy lấy tiền mua sắm những gì còn thiếu trong nhà. Sau khi thuê nợ xong người gia nhân trở về với hai bàn tay không và giải thích cho chủ nhân như sau: Trước khi đi tôi đã xem xét trong nhà thấy chẳng thiếu chi, duy có món “*nghĩa*” là thiếu. Do đó, thuê được bao nhiêu tôi

đã dùng hết để mua “nghĩa” cho Tướng công.

Một thời gian sau, Mạnh Thường Quân bị giải quan và trở về đất Tiết trú ngụ. Nhớ ơn xưa, những con nợ đã đem tiền của đến giúp ông với tất cả lòng thành.

Luận giải việc Mạnh Thường Quân, đạo Chúa có nhắc nhở rằng: *“Của cải vật chất đời này có thể qua đi, nhưng những nghĩa cử chúng ta làm sẽ tồn tại mãi mãi. Chúa Giê-Su đã nói với chúng ta là chớ lo thu tích của cải đời này vì trộm cướp có thể rình mò và mỗi một có thể đục khoét. Khi nhắm mắt xuôi tay, chúng ta chỉ có thể mang theo cho mình kho tàng thiêng liêng của những nghĩa cử”*.

Cũng vậy, nhà Phật có một ví dụ như sau:

Có một ông trưởng giả có bốn bà vợ. Bà vợ thứ nhất một lòng trung thành với ông thế mà ông không hề nghĩ tới. Bà thứ hai được ông lưu ý phần nào. Bà thứ ba ông luôn nhắc nhở. Riêng bà vợ thứ tư thì ông ở đâu bà ở đó, không khi nào rời nhau. Đến khi ông bệnh nặng sắp chết, ông bèn gọi cả bốn bà vợ đến gần bên và hỏi rằng: Tôi biết sắp chết, vậy trong bốn bà có ai tình nguyện chết theo tôi không?

Bà thứ nhất vội nói: tôi luôn luôn trung thành chung thủy với ông; lòng tôi một giây một phút chẳng rời ông dù rằng ông bỏ tôi, không hề để ý hay nghĩ tới tôi. Bây giờ ông chết, tôi tình nguyện chết theo ông.

Bà vợ thứ hai nói: bình thường tôi được ông lưu ý nhắc nhở chút ít, bây giờ ông chết tôi xin đưa ông ra tới phần mộ.

Bà thứ ba lên tiếng: Khi còn khỏe mạnh, ông thường nhắc nhở tôi liên miện. Bây giờ ông chết, tôi xin đưa ông

ra tới cổng rào nhà.

Bà vợ thứ tư là bà được ông yêu thương nhất phát biểu sau cùng: lúc ông còn sống thì ông ở đâu tôi ở đó, chung chiếu chung phòng. Bây giờ ông chết, tôi chỉ có thể đưa ông ra tới cửa nhà mà thôi.

Người vợ thứ tư, được ví dụ cho tiền bạc. Tiền bạc luôn ở bên ta, nhưng khi ta chết rồi thì tiền bạc vẫn được cất trong rương hay tủ trong nhà; vì vậy mới nói chỉ đưa ra tới cửa nhà.

Người vợ thứ ba được ví dụ cho cửa cải, chỉ ở trong phạm vi rào nhà, vì thế mới nói đưa ra tới cổng rào.

Người vợ thứ hai được ví dụ cho công danh chức tước. Công danh chức tước sẽ được xưng hô tụng đọc qua điệu văn trước phần mộ, vì thế nên nói đưa đến mộ.

Người vợ thứ nhất, đó là ví dụ cho nghiệp lành hay nghiệp dữ. Nó luôn luôn bám theo người tạo ra nó như bóng với hình. Nó và người tạo ra nó chẳng khi nào rời nhau, chẳng khác nào tình nguyện cùng chết theo nhau vậy.

Tóm lại, dù với Đạo Phật hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nghiệp lành hay nghiệp dữ mà lúc sanh tiền ta đã tạo ra, nó sẽ theo ta như bóng với hình trên bước đường tái sanh chuyển kiếp.

Chính vì vậy mà khi còn sống ta nên cố tạo nghiệp lành, nghiệp thiện và tránh nghiệp ác, nghiệp dữ. Vì sao? Vì tất cả chúng ta ai cũng mong được siêu thoát hay ít nhất cũng còn giữ lại được kiếp làm người để hưởng phước, để tu nữa, chớ không ai muốn tạo nghiệp ác để phải Luân hồi vào ba ác đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Để kết luận phần hai liên quan đến Giới và nghiệp lành, nghiệp dữ, xin được ghi lại đây những gì mà Thầy đã dạy chúng ta:

1)– Thầy dạy chúng ta tu là phải hiền, phải lành.

Thầy nói rất rõ:

*“Tham chi sự thể lắm đua tranh,
Cái miếng đỉnh chung xúm giắt giành.
Bỏ hết trong cơn mê một giấc,
Trăm năm ngắn ngủi nhớ làm lành.*

* * *

*Làm lành cho trọn Phật Trời thương,
Hai chữ hơn thua chớ liệu lường.
Mừng thiệt là khi nương cảnh tịnh,
Khen chê giận ghét lẽ đời thường”.*

Cũng với ý nghĩa này, trong Đàn cơ ngày 21-7-1926 tại tư gia Đức Cao Thượng Phẩm, Thầy có bảo rằng:

“Tu là chi?

Tu là trau dồi đức hạnh cho nên hiền. Phẩm vị Tiên Phật để thưởng cho kẻ lành mới đáng phẩm vị...”.

Rõ ràng trích đoạn các phần Cơ bút, Thánh Giáo nêu trên cho thấy Thầy và các Đấng Thiêng Liêng dạy tín đồ hễ tu là phải hiền lành, vì nếu tu mà còn hung dữ thì khác nào chẳng tu.

Tu có nghĩa là sửa, mà sửa đây là sửa những gì? Đó là sửa đổi thói quen, tập khí mà ta đã huân tập từ lúc mới sinh ra và sống đời thế tục gần trọn kiếp mãi cho đến ngày ta biết tỉnh ngộ tu hành. Nói rõ hơn, ta phải sửa đổi lại ý

ngĩ, hành động, lời nói để đừng tạo thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp.

Ta nên nghĩ thiện, làm lành và ngôn ngữ cũng phải thiện lành. Nếu trước đây với tâm phàm phu, ta đã lỡ làm những điều ác, nói những lời hung dữ, nghĩ những việc chẳng lành thì nay biết tu ta phải ngừng bỏ và chấm dứt cố lo tu để mà chuyển nghiệp.

2)– Thấy dạy người tu đừng nên tạo nghiệp.

Vì tạo nghiệp trần gian thì sẽ còn khổn khổ vô cùng, không làm sao thoát khỏi tam đồ, lục đạo. Người tu trước tiên phải làm lành, lánh dữ, để không tạo nghiệp ác dù do ngôn, thân hay ý, thì bước kế tiếp là việc tụng kinh gõ mõ mới diệu dụng được.

Có câu:

*“Sân si nghiệp chướng chẳng chừa,
Bo bo mà giữ tương dưa làm gì”.*

Còn Sân là còn hung dữ chớ chẳng phải hiền lành. Còn gây nghiệp chướng chắc chắn sẽ còn thọ báo. Do đó, dù có chay lạt tương dưa cũng chưa chắc gì gỡ được hết tội tình.

Điều quan trọng là phải hiền lành và không tạo nghiệp ác. Muốn thế, người tu phải vẹn vẻ hành trì ngũ Giới. *Giữ tròn Ngũ Giới là tránh được Thân nghiệp, Khẩu nghiệp và Ý nghiệp.*

III – GIỚI VÀ ĐẠO.

Thầy giảng Cơ dạy Ngũ Giới là cốt để bảo vệ các con Thầy. Hội Thánh ban hành Tân Luật nơi điều 21, Chương

4. nói về Giới Cấm cũng nhằm khuyên răn tín đồ Đại Đạo.

Theo đúng lời dạy của Thầy, làm đúng như sự khuyên răn của Hội Thánh, đó là người tín đồ đã dụng công tu tập đúng theo Đạo. Do đó nên nói giữ Giới tức là giữ Đạo.

Đạo được nói ở đây là Đạo làm người tức Nhơn Đạo.

Nhơn Đạo là phần căn bản trong Ngũ Chi Đại Đạo gồm có Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo.

* * *

Nói Nhơn Đạo là căn bản vì người tu nếu muốn có thể thành Thánh, thành Tiên, thành Phật thì trước tiên phải làm tròn bốn phận con người. Nói khác hơn, khi Đạo làm người chưa tròn thì không thể thành Thánh, Tiên, Phật được.

Để lý giải Nhơn Đạo là căn bản, Thánh Ngôn có những đoạn như sau:

*“Một Trời một đất một nhà riêng,
Dạy dỗ nhơn sanh đặng dạ hiền.
Cấm mỗi Thiên cơ lo cứu chúng,
Đạo người vẹn vẻ mới thành Tiên”.*

* * *

*“Sai lầm một thuở biết ăn năn,
Năn nỉ lòng kia tự xét rằng.
Rằng ở đời thì Nhơn Đạo trọn,
Trọn rồi Thiên Đạo mới hoàn toàn”.*

Qua Cơ Bút, Thánh Giáo, Thầy lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không những chỉ giúp các Đấng Thánh, Tiên, Phật đọa trần qui hồi cựu vị, như đã được ghi trong Đản

cơ tại Chùa Gò Kén năm Bính Dần 1926, mà còn đặc biệt chú trọng đến việc cứu vớt các nhơn phẩm, tức toàn thể nhơn sanh đã đắc được kiếp người. Thánh thi nói rõ là ở đời Nhơn Đạo trọn thì mới mong đạt đến Thiên Đạo, có nghĩa Đạo người vẹn vẻ thì mới mong thành Tiên Phật được.

Nói rõ hơn, qua Thánh Giáo Cơ Bút, Thầy và các Đấng Thiêng Liêng nhắc nhở toàn thể nhơn sanh khi tu hành, bước quan trọng trước tiên là phải làm tròn Nhơn Đạo. Đây là một đặc trưng trong giáo pháp của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ giúp tín đồ dễ dàng dụng công trên bước đường tu tập. Sự dụng công tu tập thật ra vô cùng khó khăn nếu không thì ai cũng có thể thành Thánh, Tiên, Phật được cả.

Sở dĩ nói khó khăn vì nhơn sanh suốt cuộc đời đã bị trần thức lôi kéo, chướng nhiễu tuệ ít, đắc được kiếp làm người đã khó khăn lắm rồi vì phải trải qua biết bao căn kiếp tu hành. Giờ đây, muốn từ kiếp con người bị bủa vây bởi Lục căn, Lục trần, Lục thức, tập khí dầy dặc do vọng tưởng từ vô thủy huân tập khiến vọng niệm chằng rời, vọng tình bao phủ thì làm sao Kiến tánh thấy được Chơn Tâm hay Bản Lai Diện Mục của mình, để từ đó tinh tấn tu hành cho tự tánh thanh tịnh, chơn tâm rộng lặng tròn đầy hầu bước lên quả Phật đại định như như.

Dù không chứng đắc được quả vị Thánh, Tiên, Phật, người tín đồ Đại Đạo nếu theo đúng lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng, thì ít nhất cũng không bị thất “*nhơn thân*”. Đó là nhờ vào việc hành trì ngũ Giới. Chính vì thế mà nói rằng mục đích việc giữ Giới là giữ Đạo và Đạo ở đây là Nhơn Đạo tức Đạo làm người. “*Đạo người vẹn vẻ mới*

thành Tiên”, đây là lời dạy của Thầy quá rõ ràng vì lòng thương các con của Ngài vẫn còn mê muội.

Thật vậy, con người vì mê muội mà không nhận ra được Chơn Tâm của mình. Mà Chơn Tâm là gì? Đó là cái dụng của Bản Thể Chơn Linh tại thế gian này, nói rõ hơn là Chơn Tướng của Chơn Linh, như lời Đức Hộ Pháp thuyết Đạo đêm 6 tháng 7 Mậu Tý (9-8-48) tại Đền Thánh.

Nhận biết được Chơn Tâm hay Phật tánh đã khó khăn, do đó trở về với Chơn Linh hay Pháp tánh lại càng khó khăn hơn nữa nếu người tu chưa hội đủ căn cơ. Dù vậy, việc giữ Đạo làm người tức Nhơn Đạo sẽ không khó khăn lắm nếu người tu biết giữ gìn ngũ Giới; không để cho tình thức xô đẩy mãi đến bến mê mà cố gắng tỉnh ngộ để trở về bờ giác.

Muốn trở về bờ giác, Đức Hộ Pháp có dạy tín đồ của Đức Ngài phải biết “*Hồi Quang Phản Chiếu*”. Vậy Hồi Quang Phản Chiếu là gì?

Như lời Đức Hộ Pháp thuyết Đạo tại Đền Thánh đêm Rằm tháng Giêng và 9 tháng 7 năm Mậu Tý (1948) là “*đem thần trí ra ngoài thể xác đặt quan sát lại mình và hành tàng của thể nhân ra sao..... rồi găm lại ta ở cảnh HƯ hay THẬT...*”.

Đúng như lời Đức Ngài đã dạy, đó là đem ánh sáng của Chơn Tâm, cái dụng của Bản Thể Chơn Linh mà soi rọi lại chính mình.

Dù biết vậy, nhưng cũng có người thay vì làm theo lời dạy của Đức Ngài, lại cứ để cho Lục căn chạy theo Lục trần sanh ra Lục thức rồi từ Thập Bát Giới này mà triển

miên tạo nghiệp.

Chính do nghiệp mà đường Luân hồi cứ miên man, không dừng, không dứt. Những vị này, với thời gian năm tháng trôi qua, theo dòng đời lồi cuốn, đã không chịu Hồi Quang Phản Chiếu, triển miên mơ màng chẳng tỉnh, mà cứ để nhãn căn phóng chiếu ra ngoài chạy theo trần cảnh, thấy người mà chẳng tự thấy mình, để biết rõ xác thân này giả hay chơn, và cảnh đang ở là hư hay thật. Rồi với sự lôi kéo của thất tình lục dục, có người sống như mọi người thế gian đang sống, đắm mê thanh sắc phù du, luyến lưu lợi danh huyền ảo mà chẳng nhớ Thánh Ngôn từng dạy:

*“Phú quý lớn là giành với giết,
Lợi danh cao bởi mượn và xin.
Trăm năm lẩn quẩn đường nhơn nghĩa,
Một kiếp đeo đưa mối nợ tình”.*

Có người sống như mọi phàm nhơn khác, cứ thấy, cứ nghe, rồi bị đắm mê và bị lôi cuốn theo cái thấy cái nghe của mình, từ đó sanh ra phân biệt đúng sai, tốt xấu, khen chê rồi thương ghét để cuối cùng tạo nghiệp.

Giờ đây, từng theo Đại Đạo, tuân theo giáo pháp Cao Đài, nếu ta hành trì đúng theo lời của Đức Hộ Pháp dạy là phải biết Hồi Quang Phản Chiếu đặt định lại tướng diện của mình thì trước tiên ta sẽ thấy rõ con người chân thật của ta, cũng như cảnh mà ta đang ở là HƯ chứ không phải THẬT (như lời Đức Hộ Pháp đã nói). Đã thấy con người chân thật của ta đương nhiên ta biết ta phải làm gì. Việc trước nhất là làm sao cho tròn Nhơn Đạo tức Đạo làm người.

Muốn giữ trọn Đạo làm người, điều cần thiết là phải

giữ gìn Ngũ Giới.

Giữ gìn Ngũ Giới ngoài việc giúp ta tinh tấn tu hành, còn cho ta nhiều lợi lạc ngay tại thế gian này. Thí dụ nếu không sát sanh hay du đạo thì làm sao bị tội tù. Nếu không tà dâm thì gia đạo luôn được yên vui hạnh phúc. Trong gia đình, ngoài xã hội, mọi người giao tiếp đối xử với nhau tâm không loạn, ý không vọng động mà trái lại nho nhã ôn hòa, ái ưu đoàn kết thì gia đình xã hội sẽ được an bình.

Tóm lại, Tam tạng, Ngũ thường, Tứ đức, bốn phạm đối với Tổ Quốc, đạo Phu thê, tình Phụ tử, Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín; Công, Ngôn, Dung, Hạnh nếu làm tròn thì tâm ta luôn luôn an bình, mà tâm bình thì thiên hạ bình.

Tâm bình là mơ ước của mỗi nhơn sanh. Thiên hạ bình là mục tiêu của mọi đoàn thể, mọi quốc gia, mọi tôn giáo. Dù vậy, trên thực tế tâm nhơn sanh có an bình không? Thiên hạ có an bình không?

Nhìn vào sinh hoạt của các tôn giáo, trong cũng như ngoài phạm vi Chùa chiền, Nhà Thờ, Thánh Đường, Thánh Thất, câu trả lời là: cũng có và cũng không. Không là tại sao? Tại vì người tu đã không giữ tròn ngũ Giới, trước tiên thuyết thị thuyết phi, nói phải nói quấy, nói đúng nói sai, nói hay nói dở, nói tốt nói xấu, hễ tốt thì thương xấu thì ghét, đúng thì khen, sai thì chê, rồi từ đó sanh ra ngấm ngấm hay công khai tranh chấp dưới nhiều hình thức mà không nhớ rằng làm như vậy là đã không hành trì Giới. Giới được đề cập đây là giới **VỌNG NGŨ**, với những nét vi tế của Giới này sẽ được đề cập ở Phần II.

PHẦN THỨ II: NHỮNG NÉT VI-TẾ VỀ GIỚI “VỌNG NGŨ”

PHẦN THỨ II NHỮNG NÉT VI-TẾ VỀ GIỚI “VỌNG NGŨ”

WỌNG NGŨ DO LỜI NÓI TỨC NGÔN NGỮ. NGÔN NGỮ CÓ NHỮNG ĐẶC TÍNH RẤT VI TẾ MÀ NHIỀU tôn giáo có nói đến.

I- NGÔN NGỮ VỚI CÁC TÔN GIÁO

Ngôn ngữ thật vô cùng quan trọng đối với tín đồ các tôn giáo. Người tín đồ hiểu Đạo mà không thận trọng trong lời nói, Giới Vọng ngữ chẳng giữ gìn, thì cũng chưa xứng đáng với sự hiểu Đạo của mình. Cũng như người nói Đạo mà Giới không giữ thì lời nói sẽ không diệu dụng được.

Người tu cần phải cẩn thận trong ngôn ngữ, vì dù có hiểu Đạo, nói được người khác hưởng ứng, nhưng mình lại không giữ gìn Giới luật, thì lời nói đó chưa chắc cứu được mình.

Do tính cách quan trọng của lời nói mà các bậc Thánh Nhân, các vị Giáo Chủ luôn luôn kêu gọi người đời hay nhắc nhở tín đồ nên thận trọng cẩn ngôn.

1)- Với Đạo Khổng,

Đức Khổng Phu Tử có dạy:

– “*Cổ giả ngôn chi bất xuất, sĩ cung chi bất đãi giả.*”

Tức người quân tử nên cẩn thận lời ăn tiếng nói của mình nói ra, vì sợ chẳng kịp lời nói mà hổ thẹn.

– “*Quân tử vô sở tranh, tất giả xạ hồ*”. Tức quân tử tránh tranh luận, nếu phải tranh luận thì cung kính lẫn nhau như khi bắn thi vậy.

2)– Với Đạo Lão,

Đức Lão Tử trong Đạo Đức Kinh cũng có dạy như sau: “*Thị dĩ Thánh Nhân xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo*”. Tức bậc Thánh Nhân xử sự theo thái độ vô vi, không nói mà chỉ hành động để dạy người.

3)– Với Đạo Chúa,

Lấy yêu thương làm gốc, đức Ki Tô dạy rằng: “*Nếu người anh em con có lỗi với Chúa Trời con hãy sửa trách một cách khôn ngoan. Trước tiên con hãy thực tình mách bảo, mách bảo riêng một mình con với một mình người có lỗi.*

Nếu người đó nghe con mà sửa đổi, ấy là con đã cứu được người anh em con. Nhưng nếu chẳng may con không làm được việc, nghĩa là người đó nhất định không nghe con, lúc ấy con hãy đem lại hai ba người đến với con, để nhờ sự chứng kiến của mấy người này, công việc của con được chắc chắn. Vậy con hãy thực tình khuyên anh em con, hãy dùng tiếng nói của lòng nhân từ và vận động mọi cách để chinh phục người có lỗi, nhưng không được tiết lộ và tuyên truyền làm mất phẩm giá của người ta”.

Với Khổng giáo, Lão giáo, Thiên Chúa giáo, các Đấng Giáo Chủ đều dạy tín đồ trước tiên phải cẩn thận trong lời nói.

Nếu phải nói thì nên nói với từ tâm, nho nhã, ôn hòa và trung chính.

4)– Riêng Đạo Cao Đài,

Giới Vọng ngữ được đặc biệt chú trọng nhiều hơn vì ngôn ngữ có thể gây khẩu nghiệp. Chính để tránh khẩu nghiệp, một trong ba nghiệp dễ trở thành định nghiệp dẫn dắt Luân hồi mà trong Đạo Cao Đài, Giới Vọng ngữ được chi tiết hóa rõ ràng và đầy đủ.

Ngoài ra, cũng như Đạo Lão với lời dạy “*hành bất ngôn chi giáo*”, Đạo Cao Đài trong Kinh Thiên Đạo có câu “*Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa*”, và Kinh Nhập Hội, phần Thế Đạo cũng có câu “*Câu Kinh vô tự độ người thiện duyên*”.

Kinh vô tự đây là Kinh không chữ, kinh vô ngôn, không thể dùng văn tự ngôn ngữ để diễn đạt được mà chỉ có thể diễn đạt bằng giới hạnh, đức hạnh và bằng tâm của người tu thời.

Tóm lại, với việc chi tiết hóa rõ ràng, đầy đủ Giới Vọng ngữ, hơn thế nữa, cũng như Đạo Lão “*Hành bất ngôn chi giáo*”, Đạo Cao Đài với “*Câu Kinh vô tự độ người thiện duyên*” và “*Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa*” đã dạy tín đồ tưởng tận những nét đặc trưng và vi tế về Giới sẽ được trình bày ở phần kế tiếp sau đây.

II – ĐẶC TRƯNG NGÔN NGỮ TRONG NGŨ GIỚI CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

Ngũ Giới Đạo Cao Đài trên tổng thể cũng giống như Ngũ Giới của Đạo Phật hay mười Điều Răn của Đạo Chúa. Dù vậy, nếu nghiên cứu kỹ thì có những điểm cần được đặc biệt lưu ý.

Chính những điểm đặc biệt này tạo nên một trong những nét đặc trưng của Đạo Cao Đài. Nhiều nét đặc trưng khác của Đạo Cao Đài xin được lần lượt trình bày

sau, riêng bài viết này chỉ nói về ngũ Giới.

Theo Đạo Phật, Ngũ Giới gồm có: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo và uống rượu. Mười Điều Răn của Đạo Chúa dù không hoàn toàn giống y Ngũ Giới nhưng cũng có nhiều điểm tương đồng.

Trong Đạo Phật, Giới cấm thứ tư là nói láo. Đệ tử Phật giáo được dạy không nên nói láo mà phải nói thật, dù rằng cũng có vị Hòa Thượng hay Thượng Tọa giải rộng thêm hơn, nhưng tựu trung chỉ chú trọng đặc biệt vào một điều, đó là “*cấm nói láo*”.

Đạo Cao Đài, trong phần Vọng ngũ, có bốn điều cấm rõ rệt:

1. **VỌNG NGŨ:** Không được láo xược tức không được nói láo.
2. **XẢO NGŨ:** Không được nói xảo trá, gạt gẫm người, khoe mình bày lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải nói quấy, tức không được nói thêu dệt, diễn dịch lời nói của người khác theo hậu ý riêng của mình, không được dùng lời nói để che đậy ác ý của mình hoặc nói bóng bẩy để dụ dỗ hay xúi giục người khác làm điều xằng bậy. Tóm lại, không được nói thêu dệt.
3. **LƯÔNG NGŨ:** Không được nói hành kẻ khác; không được xúi giục người hờn giận, kiện thưa xa cách, tức không được nói đâm thọc với mục đích gây bất hòa, tạo chia rẽ và thù nghịch. Tóm lại, không được nói như có hai cái lưỡi.
4. **ÁC NGŨ:** Không được nhạo báng, chê bai, nói lỗ mắng, thô tục, chưởi rửa người, hủy báng tôn giáo,

tức nói những lời chanh chua độc ác. Tóm lại, không được nói lời độc ác.

A– Đặc Trưng I:

Chi tiết hóa ngôn ngữ với Vọng ngữ, Xảo ngữ, Lưỡng ngữ và Ác ngữ cho thấy Ngũ Giới Đạo Cao Đài đặc biệt chú trọng vào lời nói. Chính lời nói làm cho người tu dễ phạm Giới nhất mà nhiều lúc hầu như không hề hay biết. Nếu phạm bốn điều thuộc về ngôn ngữ nêu trên là đã phạm vào bốn điều ác trong thập ác. Xa rời bốn điều ác này là bước đầu đi vào bốn điều thiện trong Thập Thiện.

Như vậy, Ngũ Giới Đạo Cao Đài không những chỉ là Ngũ Giới thôi, mà đúng ra là bát (8) Giới hay thất (7) Giới trong giáo pháp Thập Thiện. Người tu giữ được thất Giới này là đã bắt đầu hành trì thất thiện, chỉ cần tu thêm tam thiện nữa thì sẽ được siêu thăng, Thiên đàng liền đến. Đây là đặc trưng thứ nhất.

B– Đặc Trưng II:

Đặc trưng thứ hai trong Ngũ Giới Đạo Cao Đài là sự chú trọng toàn diện vào Thân nghiệp, Khẩu nghiệp và Ý nghiệp, không giống như Đạo Phật đặc biệt nhấn mạnh vào thân nghiệp và chỉ một khía cạnh “*nói láo*” của khẩu nghiệp mà thôi. Chính ở ý nghiệp và khẩu nghiệp mà con người rất dễ sai phạm.

a.– Về ý nghiệp:

– Người tín đồ trì Giới du đạo ngoài việc không được trộm cắp, còn bị cấm không được sanh lòng tham của quấy, để ý hại người. Như vậy, ngay tại ý phát sanh ác

ngiệp tham lam, người tín đồ cũng không được phạm.

– Về Giới tà dâm, ngoài việc cấm lấy vợ chồng người, thả theo đàn điếm, người tín đồ còn bị cấm không được thấy sắc dẫy lòng tà. Lòng tà đây là ý nghiệp, dù rằng khẩu chưa tác động, thân chưa thực hành nhưng đã có ý thì bất định nghiệp cũng đã hình thành.

b.- Về khẩu nghiệp:

Không được lường gạt của người tức dùng lời nói hay mưu chước chiếm đoạt của cải tài sản người khác; không được dùng ngôn ngữ xúi giục người làm loạn luân thường hoặc lấy lời gieo tình huê nguyệt. Nói khác hơn, dùng lời nói để toan lường gạt của người, xúi giục tà dâm hay gieo tình huê nguyệt là đã mang lấy khẩu nghiệp rồi.

Tóm lại, Ngũ Giới Đạo Cao Đài, ngoài thân nghiệp còn chú trọng đặc biệt vào ý nghiệp và nhất là khẩu nghiệp.

Với thân nghiệp, người tín đồ dễ thấy và dễ tránh nên đã không sát sanh, trộm cướp, tà dâm. Nhưng với khẩu nghiệp, đây là phạm vi mà nhiều người thường hay phạm.

Giáo lý, hay nói rõ hơn Ngũ Giới Đạo Cao Đài đặc biệt nhấn mạnh vào phạm vi khẩu nghiệp. Đây là đặc trưng thứ hai nhằm dạy tín đồ không những tránh nghiệp ở thân, mà quan trọng nhất là phải tránh nghiệp ở khẩu. Nghiệp thân và khẩu là hai loại nghiệp nếu phạm vào có thể tạo thành định nghiệp, nguyên nhân dẫn dắt Luân hồi.

Đã biết tạo khẩu nghiệp có thể phạm vào định nghiệp dẫn đến Luân hồi, ấy vậy mà vẫn có người thường phạm phải là tại sao? Tại vì con người luôn luôn quen nói và hay nói. Nhưng lời nói có thật hay không? Để trả lời câu hỏi này, và cũng để phá chấp danh ngôn, xin được lạm bàn về

thật tướng của lời nói với những nét vi tế của nó.

III- NHỮNG NÉT VI TẾ CỦA NGÔN NGỮ

Ngôn ngữ hay văn tự là những ước lệ do người đời đặt ra để dùng cho một nhóm người, một địa phương, một bộ lạc, hay một dân tộc nào đó. Người đời ghép những chữ thành câu, những tiếng thành lời để diễn tả những ý nghĩ, hành động, thói quen, tập quán v.v. Tùy theo địa phương, bộ lạc hay dân tộc mà lời nói hay văn tự được gán cho một ý nghĩa nào đó mà người đời chấp theo để rồi tạo nghiệp.

Thật ra, lời nói hoặc văn tự là những pháp hữu lậu và tương đối, không có thực thể, không diễn tả được Chân Lý Tuyệt Đối, vô lậu. Dù vậy, thói thường người đời ai cũng thích nghe lời nói thuận tai, tránh nghe lời nói nghịch tai mà đã quên quán chiếu bản thể lời nói là không thật, chỉ do duyên hợp mà thôi.

Thật vậy, ngôn ngữ, lời nói, kể cả văn tự, bản thể của nó là “*không*”. Không đây là không có tự tánh, tức tự tánh của nó không thật, chớ chẳng phải là không ngờ, không có gì hết. Nói khác hơn, ngôn ngữ hay lời nói tự tánh của nó là không nhưng do duyên hợp nên giả “*có*” mà thôi.

Để lý giải tánh không của ngôn ngữ hay lời nói, xin được đơn cử những thí dụ và hình ảnh như sau:

A- Ngôn ngữ tự tánh là “*Không*”.

- **Thí dụ 1:** Có một anh nọ cha mẹ đặt tên là Hiền nhưng anh ta không hiền tí nào cả. Anh thường làm những điều ác, xâm phạm luân thường đạo lý v.v. Như vậy, tên

Hiền mà người đời thường dùng gọi anh, để gán vào cho cái tâm sân si, cái thân tham lam độc ác của anh đó chỉ là danh ngôn giả lập hoàn toàn trái ngược với bản chất của con người anh. Nói khác hơn, tiếng gọi, danh ngôn không diễn tả đúng bản thể, và bản thể lại hoàn toàn trái ngược lại danh ngôn, lời gọi, tên đặt. Nói rõ hơn, tên đặt, tiếng gọi, lời nói, danh ngôn, chỉ là giả danh chứ không thật nghĩa. Nó không có tự tánh đúng như người ta đã gán cho nó.

– **Thí dụ 2:** Ta nói cái đồng hồ. Tự lời nói ấy không phải là cái đồng hồ mà thật ra đồng hồ là đeo trên tay, để trên bàn, treo trên tường, chứ lời nói nào phải cái đồng hồ. Vậy lời nói chỉ là giả lập, duyên hợp chữ “đồng” và chữ “hồ” để tạo thành một giả tướng đồng hồ chứ tự tánh của nó, tự bản thể của lời nói không phải là cái đồng hồ.

– **Thí dụ 3:** Anh A nói anh B là con chó. Sự thật anh B nào phải là con chó mà là con người. Vậy khi anh A nói anh B là con chó thì anh B có trở thành con chó không, có mọc đuôi, mọc bốn chân thay vì hai chân không. Chắc chắn là không. Thí dụ này một lần nữa cũng cho thấy ngôn ngữ hay lời nói chỉ là danh ngôn chứ không có thực nghĩa, không có tự tánh.

Các thí dụ nêu trên chỉ rõ lời nói tự bản thể nó là không gì cả. Lời nói dùng để chỉ một cái gì (như cái đồng hồ) chứ tự nó không phải là cái đó; hoặc lời nói dùng để khen, chê, chưởi, rửa v.v. như trường hợp anh A chưởi anh B là con chó, nhưng thật ra anh B đâu phải là con chó mà là con người. Vậy là anh A duyên hợp lời nói dùng tiếng “con” và tiếng “chó” để tạo ra một giả tướng sai sự thật. Đã biết là sai, là quấy rối, vì chưởi rửa là sai quấy, là ác khẩu,

là tạo nghiệp, tại sao người ta lại cãi vã gây gổ và đôi khi có thể đi đến ấu đả nữa. Đã biết A nói sai quấy, sai sự thật thì lẽ ra B nên thấy rằng A vì điên loạn nói bậy không đúng, vậy bỏ đi. Bây giờ B lại gây gổ với A.

Như vậy, có phải B đã tự mình dẫn thân vào chuyện điên đảo, chuyện sai, chuyện bậy không. Nếu cãi vã hay ấu đả nhau thì ai cũng sẽ quấy cả, chỉ có quấy trước hay sau, nhiều hay ít mà thôi. Thế nhân thường vấp phải những chuyện như thế này là vì do chấp: chấp ngã, chấp danh ngôn. Đây là hai thứ chấp đã làm cho người ta điên đảo, đau khổ. Ngày nào con người còn chấp thì phiền não và khổ đau vẫn còn.

Để phá chấp, người tu cần phải thấy rõ thật tướng của sắc thân, vọng tâm và danh ngôn. Tất cả ba đều là sanh diệt tức có rồi mất, không thường hằng.

Nhằm thấy rõ sự vô thường của cả ba đều HU chớ không phải THẬT hầu tránh phát ra ác ngôn, tạo ác nghiệp, người tu cần phải rõ lý trong Kinh tụng đọc hằng ngày và nên nghe theo lời Đức Hộ Pháp dạy, phải thường xuyên *Hồi Quang Phản Chiếu*, vì như Đức Ngài đã nói: *“... quan sát lại mình và hành tàng của thể nhân ra sao.. rồi găm lại ta đang ở cảnh HU hay THẬT.”*

B– Ngôn ngữ do duyên hợp chớ bản thể là “Không”.

Thật vậy, ngôn ngữ bản thể của nó là “không”, chỉ do duyên hợp mà thành. Như một người khan tiếng đến tắt tiếng thì làm sao nói được. Người câm, người bị thụt lưỡi, hay bị cắt mất cái lưỡi thì cũng không nói được. Một người khác, nếu cứ mím chặt cứng đôi môi thì làm sao phát ra thành lời. Nói như vậy để thấy rằng lời nói tự nó

không có mà do duyên hợp của môi, lưỡi, âm thanh, óc, cổ, họng, phổi, lồng ngực hợp lại mới tạo thành được. Nếu một trong tám yếu tố nêu trên mất đi thì tiếng nói cũng mất theo. Nói khác hơn, lời nói tự bản thể của nó là “*không*” mà chỉ do duyên hợp nên giả “*có*” mà thôi.

Vạn pháp trên thế gian, kể cả thân xác này cũng vậy, đều do duyên hợp. Hễ duyên còn hợp thì vẫn còn mà duyên tan thì bại hoại ly tán, là mất. Lời nói cũng thế. Nếu tám yếu tố tạo thành ra nó còn thì nó còn, nhưng nếu một trong tám yếu tố tạo thành ra nó mất thì nó cũng biến mất. Nó chỉ là một giả tướng duyên hợp, hay nói rõ hơn, là tướng tùy duyên tạm có chứ không có thực thể.

Đã biết bản chất lời nói không thật thì tiếng khen, tiếng chê, tiếng chưởi rủa do lời nói tạo thành có thật không? Cũng không thật. Người tỉnh thấy không thật nhưng người mê trái lại vẫn cho lời nói là thật vì họ chấp thân, chấp tâm và chấp cả danh tự ngôn ngữ. Chính do sự cố chấp này đã làm cho con người điên đảo, phiền não, tâm loạn rồi từ đó sanh ra khẩu ý chẳng lành.

Ngày nào con người chưa thấy rõ thế nào là HỮU thế nào là THẬT như lời Đức Hộ Pháp đã dạy, ngày nào con người chưa tỉnh vẫn còn mê, còn chấp thì ngày đó phiền não vẫn dấy dậy.

Chỉ có sự tỉnh giác, thấy được chân tướng của mọi sự vật, của thân, của vọng tâm và của ngôn ngữ với bản tánh vốn “*không*”, duyên hợp giả “*có*”, thì mới đưa được con người ra khỏi cảnh phiền não và khổ đau.

C– Ngôn ngữ không thật và không phải là sự thật.

Xin kể ra đây một câu chuyện mà các Thiền Sư cũng thường nhắc đến để chỉ nhiều khía cạnh trong đó có khía cạnh ngôn ngữ không thật và không phải là sự thật.

Câu chuyện như sau:

Có một thầy tu nọ vì muốn việc tu hành của mình được mau tinh tấn nên đã lìa gia đình đi vào rừng cất một cái cốc để tu. Hằng ngày, vào buổi sáng ông ra làng gần đó khát thực và đến trưa trở về cốc tịnh tu. Ngày lại tháng qua, một hôm ông lâm bệnh nặng không còn đi được nữa. Ông nằm một mình trong cốc.

Một hôm, có một cô gái vào rừng kiếm củi. Cô gái vô tình đi đến cái cốc của thầy tu. Cô thấy ông nằm run rẩy và nóng sốt. Với lòng từ tâm muốn cứu giúp người tu hành, cô chạy vội về nhà lấy thuốc và thức ăn mang đến cho ông. Cô lo việc đó được vài ngày thì có nhiều người trong làng đến ý. Họ rình mò theo dõi và thấy cô gái đang ở trong cốc với thầy tu. Họ nghĩ rằng giữa thầy tu và cô gái này đã có tư tình. Việc này được đồn lan ra và cả làng đều biết.

Thầy tu sau khi hết bệnh đi khát thực trở lại như thường lệ trước đây. Khi vào làng ông thấy dân làng nhìn ông với cặp mắt khinh miệt và thái độ đối xử khác hẳn khi xưa, không còn kính trọng nữa. Ông tìm hiểu và cuối cùng được biết đã có những lời đồn vang ông tư tình với cô gái. Họ nói ông tu mà phạm Giới nên không cúng dường nữa.

Thầy tu buồn lắm vì ông giữ giới hạnh rất cẩn thận, thế mà bây giờ người ta lại nói ông phạm Giới. Ông nghĩ chỉ có cái chết mới minh oan được cho ông. Ông bèn đến

một gốc cây thắt một cái vòng trên cành để treo cổ tự tử. Khi ông sắp đưa cổ vào vòng thì có vị thần hiện ra.

– Vị thần hỏi ông vì sao mà phải tự tử.

– Ông kể lại hết câu chuyện và kết luận rằng ông đã hành trì Giới cấm rất nghiêm nhặt thể mà bây giờ người ta lại nói ông phạm giới làm cho ông đau khổ không chịu nổi nên phải tự vận.

– Vị thần hỏi ông đã tu được bao lâu rồi.

– Ông trả lời mới tu được hai năm.

– Vị thần nói với ông rằng: *“Ông đã tu được hai năm, và bây giờ người ta nói ông thành Phật rồi, vậy ông có thành Phật được không?”*

– Ông trả lời làm sao ông thành Phật được vì công tu trì còn ít quá.

– Vị thần bèn nói tiếp rằng: *“Người ta nói ông thành Phật nhưng vì công tu còn ít, ông không thành Phật được. Vậy người ta nói ông phạm Giới, nhưng ông không phạm Giới, vậy ông có trở thành phạm Giới được không?”*

Nghe đến đây thầy tu tỉnh ngộ, bỏ ý định tự tử, bái tạ vị thần và lui về cốc tiếp tục tu hành.

Câu chuyện này cho thấy người đời khi nói là do nghi ngờ, vui buồn hay thương ghét v.v. mà nói thôi, chớ lời nói ấy không hẳn là thật, không phải là sự thật tức lời nói chỉ có danh ngôn chớ không có thực nghĩa.

Đã biết lời nói không có thực nghĩa vậy thì chấp nó làm gì. Cũng chính vì chấp nó mà người ta luôn luôn bị đau khổ và phiền não phủ vây. Khi con người vẫn còn chấp ngôn ngữ là thật, các pháp thể gian là thật thì lúc

đó con người vẫn còn phiền não và đau khổ triền miên.

Nếu các pháp là thật thì được là mừng, mất là khổ, khen thì vui, chê thì buồn, và cứ như thế mà bị cuốn trôi trong vòng sinh tử Luân hồi biết đến ngày nào mới thoát ra được.

Chỉ khi nào con người thấy rằng ngôn ngữ cũng như các pháp thế gian không thật, mà chỉ có giả tướng, do duyên hợp tạo thành, nên tạm gọi là “cớ”, chớ thật ra tự tánh hay bản thể của nó vẫn “*không*”, thì ngày đó mọi phiền trược thế gian, dù con người không muốn cũng tự nó tiêu trừ. Giả dụ có một người chưởi ta nhưng ta hỉ xả, chỉ cười thôi và không chưởi lại, tức ta không nhận tiếng chưởi rửa ấy.

Như vậy tiếng chưởi kia sẽ đi về đâu? Nó sẽ tan biến vào hư không, vào cõi vô sanh mất dạng, ngoài ra còn trở ngược lại người đã dùng ngôn ngữ để chưởi ta nữa. Họ chưởi là đã hành ác khẩu mà ác khẩu có ở đâu thì ác nghiệp từng theo đó, rồi ác nghiệp này sẽ dẫn dắt con người đi vào ác đạo Luân hồi.

Vậy ta nên giận hay không nên giận người chưởi ta? Ta không nên giận mà trái lại còn dùng từ tâm để hỉ xả cho họ nữa. Biết rằng họ vì nhất thời mê muội tạo ác nghiệp do ác khẩu thì tội nghiệp cho họ lắm vì họ phải trả vay. Lời nói, tiếng chưởi không cắt được da, xẻ được thịt, nhưng nếu ta chấp nó, thì tự thấy đau thấu tận tâm can. Nhược bằng không chấp, vì nó chỉ là danh ngôn, là giả tướng chớ có thật đâu, vậy *chấp làm chi, như thế tâm ta vẫn an nhiên tự tại, con đường Đạo rộng mở thênh thang.*

D– Ngôn ngữ là “không”, theo Kinh Kim Cang, Niết Bàn Lăng Già

1)- Trong Kinh Kim Cang

Trong Kinh Kim Cang, nơi đoạn 7 với tiêu đề “*Vô đắc – Vô Thuyết*”, Đức Phật hỏi ngài Tu Bồ Đề:

“Này Tu Bồ Đề, ý Ông nghĩ sao? Như Lai được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chẳng? Như Lai có nói pháp chẳng?”

Tu Bồ Đề thưa:

“Như con hiểu qua nghĩa Phật nói không có Pháp nhất định tên là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng không có Pháp nhất định Như Lai có thể nói. Vì cớ sao? Vì Pháp Như Lai nói đều không thể chấp, không thể nói, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp...”

Tại sao Đức Phật lại bảo rằng pháp Như Lai nói đều không thể nói? Tại vì thật tướng của Pháp xa lìa ngôn thuyết, nói rõ hơn, ngôn thuyết không thể nói tới được Chân Lý Tuyệt Đối như là Đạo. Đối với Chơn Lý Tuyệt Đối, ngôn ngữ có thể dùng để chỉ cho thấy mà thôi. Vì lý do này nên trong nhiều chùa có tượng Đức Phật đang đứng và ngón tay chỉ lên trời. Đây là Phật dùng ngón tay để chỉ Mặt Trăng. Ngón tay giả dụ cho ngôn ngữ, cho Phật thuyết, còn Mặt Trăng giả dụ cho Chân Lý Tuyệt Đối là Đạo. Ngón tay không phải là Mặt Trăng. Ngón tay dùng chỉ Mặt Trăng ở trên cao xa xôi chớ không chạm tới Mặt Trăng được. Nói khác hơn, ngôn ngữ được dùng để chỉ Chơn Lý Tuyệt Đối chớ ngôn ngữ không nói tận cùng Chân Lý Tuyệt Đối là Đạo được và ngôn ngữ cũng không thể là Chân Lý Tuyệt Đối.

Ngôn ngữ hay ngôn thuyết được lập để phá trừ những

tư tưởng lầm lẫn của chúng sanh, vì chúng sanh còn mê muội và cần phải được cứu độ nên không thể không nói, do đó mà phải dùng ngôn ngữ để lập ngôn thuyết. Nhưng ngôn thuyết tự nó không có thực tướng như đã nêu ở A.B.C..., vì thế nên Phật bảo “*nói mà không nói*”. Nói là để chỉ, để cứu độ chúng sanh.

Không nói là không nói đến nỗi, không nói hết được Chân Lý Tuyệt Đối.

2)- Trong Kinh Niết Bàn hay Kinh Lăng Già

Trong Kinh Niết Bàn hay Kinh Lăng Già, Phật nói: “*Ta nói pháp 49 năm chưa từng nói một chữ*”. Tại sao vậy? Tại sao Phật có nói pháp mà lại bảo rằng chưa từng nói một chữ?

Như vậy là Phật phủ nhận những lời Phật đã nói hay sao? Nếu hiểu theo nghĩa Phật phủ nhận tất cả những lời Phật nói thì tất cả Kinh nhà Phật phải đem đốt hết vì đó là Phật Pháp do Phật thuyết mà có. Nhưng không phải vậy.

Pháp mà Phật nói chia ra làm hai phần:

a.– Pháp là phương thức Phật giáo hóa chúng sanh, đó gọi là Phật Pháp. Đó là Pháp mà Phật nói 49 năm lập thành tạng Kinh gọi là Phật Pháp để dạy chúng sanh noi theo đó mà tu.

b.– Còn Pháp là Pháp Tánh là cái sẵn có trước Phật chớ không phải đợi đến khi Phật ra đời mới có. Phật ngộ được Pháp Tánh đó nên thành Phật, mà Pháp Tánh không thể dùng ngôn thuyết nói tới nỗi. Vì vậy, đứng về mặt Pháp Tánh, Phật chưa nói một chữ, vì ngôn ngữ là hữu vi, nằm trong đối đãi, là sanh diệt còn Pháp Tánh là vô vi, thoát

ngoài đối đãi, là không sanh không diệt.

Như vậy, kinh Kim Cang, Niết Bàn và Lăng Già cho thấy sự giới hạn của ngôn ngữ.

Ngôn ngữ hay văn tự dùng để chỉ rõ giáo lý, giáo pháp cho người tu noi theo đó mà tu thì lợi lạc vô cùng. Nhưng ngôn ngữ được dùng để tranh luận, nói phải nói quấy, nói hơn nói thua, khen chê để rồi thương hay ghét thì chỉ làm cho con người càng sa đọa, càng xa Đạo mà thôi.

E– Ngôn ngữ hạn hẹp theo Đạo Đức Kinh.

1)- Trong Đạo Đức Kinh, Đức Lão Tử có nói: “*Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri*”.

Nếu cứ hiểu một cách nôm na thì hai câu trên có nghĩa là biết thì không nói mà nói thì không biết gì cả.

Với nghĩa nôm na như vậy có đúng không?

Nếu con người hiểu được rằng tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, vạn vật vô thường, thế gian vô ngã cũng như theo lời của Đức Lão Tử bảo rằng: “*Nói là không biết gì cả*”, vậy thì thôi còn nói đúng sai, phải quấy, tốt xấu, khen chê nữa để làm gì.

Thật vậy, thế gian là vô thường vì có cái gì, kể cả thân xác này thường hằng mãi mãi được đâu. Nói vô thường vì nó biến đổi thường xuyên để đi đến biến hoại. Sự hoại diệt này làm cho người đời rất sợ. Người đời sợ vô cùng khi nghe nói đến nó. Sợ đến nỗi người đời hình dung nó như là một con quỷ đến để hớp hồn.

Nhằm để chỉ sự ác nghiệt của con quỷ này và để khuyên nhủ tín đồ rán lo tu mà trong Kinh Sám Hối phân

Thế Đạo có câu “*Qui vô thường sẵn chục đem đi*”, và trong Đàn cơ bằng tiếng Pháp ngày 19 tháng 12 năm 1926 có nói: “*Donnés par un humain, ils ne sont que trop humains. Ce qui vient d’un homme n’a rien de résistant. C’est sujet à détérioration. Ils sont détruits dèsqu’on enlève la vie de celui qui les détient*”, để chỉ sự vô thường.

Vô thường thật sự là một định luật thiên nhiên và tự nhiên không thể thay đổi hay đổi dời. Nó chi phối vạn vật trên thế gian này, kể cả con người. Với con người thì sinh, lão, bệnh, tử; với sự vật thì thành, trụ, dị, diệt; còn với thế giới vũ trụ thì thành, trụ, hoại, không. Đây là luật Tuần Hoàn của Tạo Hóa mà không một ai, không một sự vật nào bước ra khỏi hay đứng ngoài ngoài được.

Biết như vậy không phải để cho con người bi quan, buồn lòng nản chí, mà thấy được như vậy là thấy sự thật, là chánh kiến. Sự thật trong vũ trụ và trên cõi đời là y như vậy.

Thánh Giáo Đạo Cao Đài có 04 câu như sau:

*“Thơm tho chi lăm cũng mùi đời,
Chưa kẻ dùng nên của để chơi.
Mua bán lọc lừa như buổi chợ,
Về nhà chưa tới đã qua đời”.*

Đời của con người là như thế. Nó như một giấc mộng dài.

Con người có thể sống đến tám chín mươi tuổi nhưng cũng có thể thấy đó rồi mất đó. Có ai tránh được cái chết đâu.

Hễ có sinh là phải có tử. Biết sinh tử là lẽ đương nhiên, thành, trụ, hoại, không là lẽ bản nhiên như nhiên, tại sao con người không dùng quảng đời mình với lòng

từ tâm ban bố thiện lành cho đồng loại và cố gắng tu trì. Hơn thua nhau chỉ một lời nói, mà lời nói có thật đâu. Nó không có thật thể mà chỉ giả danh thôi. Vậy chấp nó làm gì chỉ chuốc lấy phiền não và khổ đau thôi.

2)- Thật ra với câu “*Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri*”, Đức Lão Tử muốn chỉ cho người ta biết rằng lời nói không có khả năng diễn tả nổi cái lý vô vi của vũ trụ, không thể nói tới nổi bản nguyên của vũ trụ là Đạo.

Ngay trong chương đầu của quyển Đạo Đức Kinh. Đức Lão Tử đã nói: “*Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh*”, có nghĩa Đạo là bản thể của vũ trụ cho nên khó có thể dùng ngôn ngữ để phân tách thông suốt được. Đạo là vĩnh cửu bất biến không thể diễn tả được bằng ngôn ngữ. Điều này cho thấy khả năng hạn chế của văn tự ngôn ngữ, vì văn tự ngôn ngữ vốn giả lập, chỉ có giả danh.

Đã biết văn tự ngôn ngữ vốn giả lập và chỉ có giả danh, vậy thì thôi ăn thua nhau chỉ từng lời ăn tiếng nói làm gì. Nếu phải nói thì nên cố gắng nói thiện lành, thương yêu, hòa ái, bằng ác khẩu thì chỉ tạo thêm ác nghiệp có giúp ích được gì trong bước đường tu tập đâu.

Có câu:

*“Lời nói khỏi mắt tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”.*

* * *

IV- NGÔN NGỮ VÀ VỌNG NGŨ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Đạo Cao Đài được thành lập tại nước Việt Nam, Kinh Kệ và Cơ Bút viết bằng Việt ngữ, hầu hết với lời lẽ

trong sáng và dễ hiểu.

Trong việc dạy dỗ tín đồ cũng như người đời qua Kinh Cơ, Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng đặc biệt chú trọng vào lời nói hay ngôn ngữ, nhất là Giới Vọng Ngũ mà tín đồ hay người đời thường dễ sai phạm nhất.

Với người đời mà phần nhiều vẫn còn mê chưa tỉnh nên việc chấp ngã, chấp ngôn còn rất sâu nặng. Vì còn mê lầm nên nhiều người thường coi lời nói như một phần không thể thiếu trong đời sống của mình. Có người cái gì cũng nói, gặp đâu nói đó, nói ma, nói Phật, có khi nói rồi cũng không biết mình đã nói những gì. Sở dĩ người đời hay nói, nói ma, nói Phật là cũng tự tâm mà ra. Hễ tâm ma thì nói theo ma, còn tâm Phật thì nói như Thánh nói.

Thật vậy, cũng là lời nói nhưng có lời nói của ma và lời nói của Thánh hay Phật. Ma nói là do tâm ma, nói để tranh giành cái thấy, cái biết, khoe khoang cái hay cái giỏi của mình.

Ma nói là do chấp tướng, mà bất cứ lời nói nào do chấp tướng đều là hư vọng, vì tự tướng nó đã là hư vọng rồi (Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng). Nói do chấp tướng, do vọng thức phân biệt, do tâm thức chấp trước, tức do tình mê nương theo kiến chấp đẩy lên, tất cả đều là lời nói của ma. Lời nói của ma thường để đe dọa, áp đảo, mê hoặc hay cám dỗ, khác với lời nói của Thánh hay Phật là để chỉ rõ cho nhơn sanh thấy chỗ tội cùng của Chơn Lý, rồi từ đó lập ngôn.

Ma ở khắp cùng trong thế gian. Ma là bốn chướng ngại cản trở bước đường tỉnh ngộ của người đời và sự tu trì của tín đồ các Đạo. Chúng chẳng những xuất hiện đầy

dây ngoài xã hội, mà còn hiện diện ngay cả trong Thánh Thất, trong Chùa, như trong Thánh Ngôn đã nói:

*“Bày đàn ai khéo sắm đàn giây,
Để quỷ để ma ở cả bày.
Lấn bản cứ theo toan cám dỗ,
Làm cho nên nỗi Đạo xa Thầy”.*

Giáo lý Đạo Cao Đài cũng như Đạo Phật có chỉ rõ ma cũng đó mà Phật cũng đó; nói khác hơn, địa ngục cũng là ta, súc sanh nạ quỷ cũng là ta, con người cũng là ta và Thần, Thánh, Tiên, Phật cũng là ta. Hễ ta lạm sát giết người tức là ta đã tự mở cửa địa ngục cho ta rồi. Hễ ta chửi rửa, đánh đập, hiếp đáp người thì khác nào con cọp gầm gừ rồi cắn xé con nai. Hễ ta dùng lời ngon tiếng ngọt dụ dỗ để hại người, hoặc hăm dọa, dùng thủ đoạn để bắt người khuất phục thì có khác nào mưu mô chước quỷ của loài nạ quỷ. Nhưng nếu ta nhận biết và giữ gìn nghiêm ngặt Ngũ Giới thì ta hiện tại là con người và ít nhất sẽ là con người ở kiếp sau chắc chắn. Hơn thế nữa, nếu tâm ta thanh tịnh thì ta là Hiền, Thánh và biết tự giác, giác tha viên mãn thì quả Phật sẵn chờ.

Tóm lại, hiện tại ta là con người nhưng biết đâu tiền kiếp nào đó ta là súc sanh có công tu được chuyển kiếp người hoặc ta là Thánh, Tiên vì lầm lỗi mà bị đọa trần. Điều này được nói rõ trong Đàn cơ năm Bính Dần 1926 tại chùa Gò Kén Tây Ninh.

Thầy nói: *“Trần là cõi khổ để đọa bậc Thánh Tiên lâm lỗi”*, và trong Thánh Giáo Thầy cũng có dạy:

*“Một ngày thôn môn một ngày qua,
Tiên Phật nơi mình phải ở xa,*

*Luyện đặng tinh thông muôn tuổi thọ,
Cửa Tiên xuất, nhập cũng như nhà”.*

Biết con người có người cốt Tiên hay Phật, và cũng dễ trở thành ma chỉ do tâm ma mà ra, nên Thầy ân cần tha thiết khuyên bảo con Thầy rán lo tu để trở về ngôi xưa vị cũ là Thánh, Tiên hay Phật.

Trong quá trình dụng công tu tập, người tín đồ dễ tránh nghiệp thân nhưng khẩu nghiệp thì lại khó hơn nhiều. Dù người tu không phạm vọng ngữ, xảo ngữ, lưỡng ngữ và ác ngữ, nhưng với một lời nói đùa thôi thì cũng đủ để tạo nghiệp rồi, chẳng hạn như sự dễ vui có thể trở thành ác khẩu.

Thí dụ có một anh đánh bạc thua phải bán tất cả tài sản và vợ chồng gậy gỗ đi đến ly dị.

Anh đã đau khổ lắm rồi và nỗi khổ đau ấy luôn luôn vằng vặc.

Có người gặp anh ấy vừa cười vừa nói đùa: “*Ê, lúc này chắc đánh bài cao lắm rồi hả?*”. Câu hỏi dễ vui, chỉ vô tình có thể nhắc lại sự đau khổ của anh và âm thầm khơi dậy nỗi khổ đau càng thấm thiết hơn nữa.

Làm cho người khác đau khổ dù chỉ lời nói dễ vui cũng là phạm khẩu nghiệp, là có tội. *Bất cứ lời nói nào gây đau khổ cho người khác là có tội.*

Do những nét vi tế của ngôn ngữ dễ tạo thành khẩu nghiệp nên trong Đạo Cao Đài, Thầy luôn luôn ân cần nhắc nhở tín đồ:

A– Nên nói thật nếu cần phải nói. Nên liệu lời mà nói.

**Nói đúng chỗ, đúng nơi, đúng lúc. Nên nói ít chớ
đừng nói nhiều.**

Thầy dạy:

*“Tích phước con ơi, tích phước con,
Con còn lẳng lú lắm nghe con.
Con thương con trẻ là thương Đạo,
Đạo chẳng ở xa ở tại con”.*

Và:

*“Đinh ninh Thầy dặn trẻ đôi lời,
Mình biết phận mình giữ đó thôi;
Mặc kẻ thường tình ngu biếm nhẽ,
Phải coi nên chỗ để nên lời”.*

Thầy bảo tín đồ “*phải coi nên chỗ để nên lời*”, tức phải lựa lời mà nói để lập ngôn. Lập ngôn có nhiều ý nghĩa rất thâm diệu, nhưng quan trọng nhất và quý nhất là ở chỗ làm sao lời nói cảnh tỉnh được người.

**B– Đừng nói xảo mị. Đừng nói với mưu kế gian. Đừng nói khen chê
và đừng dị nghị việc người**

Trong Đoàn cơ ngày 20 tháng 2, 1926 Thầy dặn rất rõ: “*Thầy cấm các con dị nghị việc người*”. Và trong Thánh Ngôn Thầy dạy như sau:

*“Cho hay Trời Phật rất công bình,
Trước mắt ngò ngò thấy phép linh.
Huyền diệu mũi kim qua chẳng lọt,
Đừng đừng xảo mị gọi tài tình.*

Và:

*“Cung trượng chim đồ thế nào đang,
Mất phước ôn nhu ấy mất nhân.
Quyển biển dầu dùng khi buổi ngặt,
Dẫn lòng nhớ tránh kẻ mưu gian”.*

Dùng kế mưu gian cốt để hại người bằng cách nói đâm thọc, nói như mình có đến hai cái lưỡi để gây bất hòa, hờn giận, thù hận; dùng lời nói xảo mị thêu dệt, diễn dịch ý tưởng của người khác theo ý riêng của mình với mục đích gây chia rẽ, xào xáo, mất đoàn kết, cả hai loại ngôn ngữ này đều tạo nên khẩu nghiệp. Đây là hai trọng tội về khẩu.

Ngoài ra, với nghiệp ngôn “*dị nghị việc người*” tưởng rằng không tội, mà nếu không tội thì Thầy ân cần dặn dò nhắc nhở làm gì. Trong Đoàn cơ dạy về “*Bất Vọng ngữ*” năm Mậu Thìn 1928, Thầy bảo:

“*Nơi Tòa phán xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải cẩn ngôn, cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể.*”

Lời dạy của Thầy quá rõ ràng. *Dị nghị việc người* để mang trọng tội. *Dị nghị việc người* là đem việc người ra mà bàn tán. Thế rồi quen bàn tới, tán lui mãi làm cho tâm loạn trở thành thói quen hay nói.

Thói thường, con người với tánh nết tán kỹ hủy tha, khen mình chê người nên hay nói. Có người để khen mình mà nói, để chê người mà nói, phải cũng nói, quấy cũng nói, đúng cũng nói, sai cũng nói, hay cũng nói, dở cũng nói, nói mãi rồi đâm ra quen nói hay dở, phải quấy, đúng sai, tốt xấu v.v. toàn là những chuyện thị phi.

Thị có nghĩa là phải. Phi có nghĩa là quấy. Nếu cứ nói phải nói quấy thì phải quấy biết đến chừng nào mới xong vì ít ai nhận mình quấy mà thường chỉ thấy mình phải.

Có câu:

*“Thuyết thị thuyết phi hà nhật liễu,
Vô minh hải hoại ngã sơn cao”.*

Nghĩa là nếu cứ nói phải nói quấy thì biết đến ngày nào mới nói hết được. Càng nói thì càng làm cho sự mê muội, sự vô minh của mình càng thêm rộng lớn như biển cả mênh mông và cái ngã của mình càng cao như núi. Chính cái ngã này đã bại hoại con người, khiến con người tán kỹ hủy tha.

Thật vậy, nếu thấy ngã tướng mình cao thì theo sau đó ngã kiến của mình là hay là đúng, ai đụng tới thì chẳng chịu thua. Vì thấy ngã tướng, ngã kiến cao nên từ đó sanh ra càng ái ngã, thương nó và bảo vệ nó bằng bất cứ giá nào. Từ ngã tướng, ngã kiến, ngã ái đưa đến ngã mạn, xem thường mọi sự, mọi vật, mọi người. Đây là cái bệnh chấp ngã.

Người chấp ngã thấy ngã cao có ba thứ tâm bệnh:

✘ **a- Dễ coi thường, dễ khinh khi người khác:**

Coi thường hay khinh khi người khác là một cái tội vì con người ai cũng có Chơn Linh và mọi Chơn Linh đều bình đẳng khi Thầy ban, chỉ khác nhau ở chỗ mê hay ngộ khi đã nhập thể mà thôi. Thầy ban cho các con Thầy mỗi người một Chơn Linh đồng đều, không ai hơn, không ai kém. Vậy coi thường bất cứ người nào là không trọng Chơn Linh mà Thầy đã ban đồng đều cho các con của Thầy vậy.

✧ **b.– Dễ nổi sân:**

Người thấy ngã mình cao hễ bị chê là hờn giận, dễ nổi sân, mà sân si là một trong tam độc, một trong thập ác đối với người tu. Nếu phạm phải sân, cửa Thiên đình liền đóng, vì muốn đến được Thiên đình thì phải hành trì Thập Thiện, mà một trong Thập Thiện là tránh được sân. Thầy có dạy:

*“Trình Ta Ta sẽ đỡ nâng chơn,
Khuyên một điều con khá giảm hờn.
Hễ ghét người thì Trời ghét lại,
Ghét người Trời ghét lẽ nào hơn”.*

Nghĩa là các con Thầy nếu người nào muốn trở về ngôi vị cũ hãy đến trình Thầy. Thầy sẽ chỉ cho neo CHỖN để tránh neo HU, cái THẬT để tránh cái GIẢ. Trước tiên, Thầy khuyên đến trình Thầy và tiếp theo đó Thầy khuyên hãy giảm hờn tức đừng nổi sân, đừng ghét bỏ ai vì hễ ghét người thì bị Trời ghét vậy.

✧ **c.– Dễ vị kỷ và ác độc:**

Thật vậy, người chấp ngã cái gì cũng muốn mình hơn, chỉ nghĩ cho mình. Đó là vị kỷ. Càng vị kỷ thì lại càng ác độc. Sở dĩ chê người khác là để đưa mình cao thêm, để tăng cái ngã của mình, chẳng cần biết đến sự đau khổ của người bị chê, thế là ác độc. Khen chê, nói phải quấy, nói đúng sai là cố ý phô bày cái dở, cái quấy, cái sai của người khác và chỉ có mình là hay, là phải, là đúng, là tốt, là giỏi mà thôi.

Tuy nhiên nếu xét kỹ, đúng và sai có phải tuyệt đối đúng và sai không; tốt và xấu có phải tuyệt đối tốt và xấu không; phải và quấy có tuyệt đối là phải và quấy không, v.v.?

Không phải như vậy.

Cách thấy vừa nói chỉ là cách thấy biên kiến, phiến diện, hai bên đối đãi, chớ không phải là chơn lý.

Sự thật không có cái gì tuyệt đối, cố định cả, mà mọi sự vật luôn luôn biến đổi. Cùng một sự việc mà có thể đúng nơi này, sai nơi khác, đối với người này thì phải, người kia thì quấy, v.v.. tức tùy thuộc vào không gian, thời gian, cá nhân hay tập thể. Xin đơn cử những thí dụ như sau:

1)- **Đúng sai:**

- Đúng sai không tuyệt đối cố định mà luôn luôn biến đổi.
- Đúng sai tùy thuộc vào không gian thời gian và con người.

– **Về không gian:** như tại nước Anh và các nước thuộc Khối Thịnh Vượng Chung (Commonwealth) thì người ta lái xe bên tay trái đường lộ. Vậy lái xe tay trái là đúng mà lái bên tay phải là sai. Trái lại, tại nhiều nước khác, rõ nhất là nước Pháp, lái xe tay trái là sai mà lái bên tay phải mới đúng. Chỉ cách nhau về không gian có 30 cây số với eo biển Manche mà đúng, sai khác biệt hoàn toàn, quá rõ ràng.

– **Về thời gian:** như tại nước Tàu và vài nước kế cận, trước đây vua là Thiên tử. Vua muốn giết ai cũng được. Bề tôi trung với vua khi vua bảo chết là phải chết. “*Quân xử thân tử, thần bất tử bất trung*” mà hình ảnh Tử Can là điển hình. Thử hỏi ngày nay quốc trưởng nước Tàu còn có thể bảo người nào thì tự động người ấy phải tự tử được không. Chắc chắn là không. Thời gian đã làm thay đổi. Ngày xưa đúng, ngày nay sai. Đúng sai tùy thuộc vào

thời gian.

– **Với con người:** đúng, sai tùy căn cơ, tùy nhận thức của mỗi người. Chuyện kể có một cặp vợ chồng ra đồng làm việc, chồng đui, vợ điếc. Khi cả hai đang gặt lúa, bỗng có vua đi qua ở trên lộ xa xa. Đoàn của vua đi cờ xí rợp trời, trống chiêng inh ỏi. Người vợ hỏi chồng cái gì vậy. Chồng vì đui chẳng thấy mà chỉ nghe nên bảo rằng tiếng kèn, trống, chiêng hòa nhau nghe vui quá. Người vợ vì điếc cãi lại tiếng kèn, trống, chiêng đâu có chỉ có cờ xí phất phới thôi. Hai người cãi nhau rồi giận nhau bỏ về không gặt lúa nữa. Như vậy hỏi ai đúng, ai sai. Không ai hoàn toàn đúng mà cũng không ai hoàn toàn sai.

Đúng sai là tùy căn cơ, tùy cái nghe, cái thấy, cái nhận thức của mỗi người. Đúng sai không tuyệt đối, cố định mà chỉ tương đối thôi.

2)- Phải quấy:

Phải quấy cũng vậy. Phải quấy không cố định mà biến đổi tùy nơi, tùy lúc. Như tại các nước theo Hồi Giáo, người đàn ông được quyền có 4 vợ. Như vậy, chánh thức có 4 vợ là phải chớ không quấy chút nào cả. Còn tại Hoa Kỳ hay Việt Nam và nhiều nước khác, người đàn ông có hai vợ đã là quấy lắm rồi, đừng nói chi tới ba bốn. Như tại nước Úc chẳng hạn, theo luật thì bất cứ ai có hai vợ là phạm tội, đã thành tội rồi chớ không còn nói chi phải quấy nữa.

Thí dụ thứ hai là thời xưa ở Việt Nam, con gái cha mẹ đặt đầu ngồi đó. Vậy là phải, cãi lại là quấy. Ngày nay, phần lớn ở Việt Nam đã khác, nhưng đặc biệt ở ngoại quốc như nước Úc chẳng hạn, hầu như con đặt đầu coi được

được là cha mẹ sẽ ngồi đó vậy, không có quấy chút nào cả. Văn hóa Úc như thế, không có gì quấy mà là như vậy.

3)- Thiện ác:

Thiện ác cũng vậy. Cũng cùng một sự việc mà đối với người này là thiện, đối với kẻ kia thì ác. Như một con chồn, vào một buổi chiều trời sắp tối. Nó rượt theo con gà để bắt làm mỗi ăn và tha về cho con nó ăn. Có một cậu bé thấy vậy, muốn cứu con gà nên đuổi con chồn đi. Chú chồn chạy đi và không bắt được con mỗi. Đêm đó nó nhịn đói và con nó cũng bị đói. Vậy với chú chồn thì cậu bé là ác vì làm cho mẹ con nó đói. Nhưng với cậu bé thì cậu đã làm một việc thiện cứu được con gà. Vậy cũng một sự việc mà thiện ác không cố định mà tùy nơi, tùy lúc, tùy người mà trở thành thiện hay ác.

4)- Đúng với đúng là sai:

Xin được kể ra đây câu chuyện “*Phong Phang*”.

Lục Tổ Huệ Năng được Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn trao Y bát để làm tổ Thiên Tông thứ 6 lúc Ngài Huệ Năng vẫn còn là một cư sĩ chớ chưa phải tu sĩ. Ngũ Tổ ban đêm đưa Ngài ra bến đò chạy về phương Nam. Phe Thượng Tọa Thần Tú đuổi theo để giật Y bát lại. Lục Tổ Huệ Năng phải lẩn trốn, rày đây mai đó, có lúc phải sống với bọn thợ săn và đi săn thú.

Khi Ngài đến được Quảng Châu vào sân chùa Pháp Tánh lúc Pháp Sư Ấn Tông đang giảng Kinh Niết Bàn. Ngoài sân chùa có hai vị tăng cãi nhau mãi không thôi về việc lá phướng treo trong sân chùa đang bay trước gió. Một vị tăng nói phướng động. Vị tăng khác nói gió động. Không ai chịu thua. Ai cũng cho rằng mình đúng không

chịu mình sai. Tổ Huệ Năng bèn tiến đến bảo: “*Không phải gió động, cũng không phải phướng động, mà tâm của hai ông động*”. Thật là một câu nói đầy bất ngờ từ một cư sĩ. Câu nói này có nghĩa cả hai vị tăng, mỗi người đều tự cho mình đúng, nhưng cả hai đều không đúng, mà cả hai đều sai.

Sở dĩ Tổ nói không phải phướng động, cũng không phải gió động là vì nếu có lá phướng mà không có gió thì lá phướng làm sao động được. Nhưng nếu có gió mà không có lá phướng treo trên cột phướng thì gió cũng không thể làm cho phướng bay được. Nhìn vào cột phướng đứng im lìm thì nào thấy động được.

Động ở đây là tướng duyên hợp, do hai hay nhiều yếu tố hợp lại mà thành tức có duyên hợp mới có động, không duyên hợp thì không động. Động là do hai yếu tố gió và phướng hợp lại, nếu chỉ nhìn một mà nói thì sai.

Tại sao Tổ lại bảo tâm hai vị tăng động? Vì hai vị tăng chấp và chỉ chấp có một bên. Khi chấp là đầy niệm để chấp.

Dầy niệm thì phải dùng tâm. Dầy niệm do dùng tâm thì tức nhiên tâm động. Do đó mà nói tâm động. Ở đây Lục Tổ muốn chỉ thẳng cái gốc của sự cãi nhau là do tâm chấp. Mà hễ dầy niệm chấp là có tranh cãi, và động là từ cái chấp đó mà ra.

Câu chuyện “*Phong Phang*” trong Kinh Pháp Bảo Đàn muốn bảo người đời rằng: lời nói thường chỉ phiến diện thôi chớ không đạt được Chân Lý. Người đời vì chưa tỉnh giác vẫn còn mê muội nên thường hay tranh hơn thua qua lời nói. Vì thế cũng trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ có dạy rằng: “*Người mê miệng nói, người trí tâm*

hành”. Mà Đức Lão Tử từ trước cũng đã dạy: “*Hành bất ngôn chi giáo*”, là vì theo Đức Ngài cái sai là bề trái của cái đúng, cái quấy là bề trái của cái phải, cái ghét là bề trái của cái thương, thương ghét là một không có gì khác nhau, mới thương đó rồi ghét đó, mới quấy đó rồi phải đó, mới sai đó rồi đúng đó.

Ở đời có ai quấy mãi đâu. Cũng có lúc làm phải. Ở đời có ai nói sai mãi đâu, cũng có lúc nói đúng. Phải quấy, đúng sai cũng từ ở một người, chỉ hiểm vì mê mà quấy và sai, còn tỉnh thì đúng và phải. Tất cả chỉ do tâm mê hay tỉnh. Do biết người đời nhiều mê ít tỉnh, nhận vọng tâm cho là mình, nhận giặc làm con (theo như lời nói của Đức Phật), chớ không thấy được Chơn Tâm nên Đức Lão Tử khuyên người đời nếu muốn được Đạo đừng có nhìn sự vật bằng cặp mắt nhị nguyên, chia phân nhị ngã mà phải thấy cả thấy đều là “*Một*”.

Người tín đồ Cao Đài hằng ngày cúng tứ thời thường nhìn thấy “*Một*” đó là Thiên Nhân. Dù vậy, khi hết cúng đi về quên đi, cũng có người chấp nhị nguyên, nhị ngã rồi sinh ra bất đồng ý với nhau. Có gì là nhị nguyên, nhị ngã đâu. Cùng một người, nhưng có khi người ấy nói sai, làm quấy mà cũng có khi người ấy nói đúng, làm phải, chớ nào phải đó là hai người, là nhị ngã.

Sở dĩ người đời phiền não nhiều, khổ đau nhiều là cũng do chấp nhị ngã, nhị nguyên, tức chấp hai bên. Nhìn “*Sự*” hay “*Tương*” thì có hai bên nhưng đạt Lý hay Tâm thì không có. Giáo lý “*Pháp Môn Bất Nhị*” của nhà Phật có giải rõ giáo pháp này và Lão Giáo cũng có đề cập với “*thuyết Tương Đối*”. Trong Kinh Cơ của Đạo Cao Đài cũng thế, cũng có đề cập đủ cả, chỉ hiểm vì Tạng Luận

chưa được khai triển.

Trở lại với Đạo Lão, cái mà Đức Lão Tử chống đối là nhìn mọi sự vật trên thế gian này, nhìn cuộc đời bằng khối óc phân chia dài ngắn, cao thấp, đúng sai, phải quấy, tốt xấu, thiện ác, khen chê, v.v... Sự phân chia như vậy là sai, là trái Đạo. Sự thật chúng không rời nhau, chúng tương tùy, tương sinh. Thí dụ có cao mới thấy thấp, có ngắn mới thấy dài. Thử đem cây thước học trò gạch hàng giấy tập vở so với cây thước dài một thước của thợ mộc thì cây trước ngắn hơn cây sau. Nhưng nếu đem cây thước của người thợ mộc so với cây thước giấy của người thợ may dài hơn hai thước thì đến lượt cây thước mà ta nói dài tức cây thước của người thợ mộc lại trở thành ngắn.

Nếu đem cây thước giấy của người thợ may so với giấy thước của một trắc địa sư đo đất thì từ dài, cây thước của người thợ may tự nó trở thành ngắn, v.v... Dài ngắn chỉ tương tùy, tương sinh, tương đối chứ không tuyệt đối. Có dài có ngắn là do sự phân biệt hữu lậu mà ra.

Cao thấp, tốt xấu, khen chê, v.v. cũng vậy. Tất cả đều tương đối, tương sinh. Không có cái này thì chẳng có cái kia.

Đức Lão Tử nói: “*Cố hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh, tiên hậu tương tưng*” để chỉ sự tương sinh, tương tùy, tương đối, v.v... Sở dĩ người đời phân chia cho đó là hai là vì óc phân biệt mà ra chứ nào phải là hai.

Đã biết vậy thì đừng nên nói hơn thua, cao thấp, có không, tốt xấu, khen chê. Nếu lấy óc phân chia này để so sánh, chỉ trích, phê bình nhau là điều chẳng nên làm. Lập

ngôn mà cứ chỉ trích, phê bình nhau, không xa rời óc nhị phân, nhị ngã thì càng ngày càng xa Đạo.

Con người nếu muốn được Đạo thì phải bỏ cái óc chia phân. Đức Lão Tử gọi đó là “*Giải Kỳ Phân*” mà các thí dụ trong bài này về đúng sai, phải quấy, v.v. đã có giải phần nào dù chỉ rất ít thôi.

Với Thuyết Tương Đối và giáo pháp Giải kỳ Phân, Đức Lão Tử muốn chỉ cho thấy bậc Thánh Nhân sở dĩ đạt đến Đạo tức trạng thái Tuyệt Đối chỉ vì biết rõ mình có mắc bệnh nhị nguyên, phân chia nhị ngã. Do biết có cái bệnh phân tán đó nên đã phòng ngừa và tỉnh ngộ. Đức Lão Tử nói: “*Phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh*”, nghĩa là biết mình có tâm bệnh thì tâm bệnh đó sẽ được trị hết. Tâm bệnh này là cái bệnh cứ nói đúng, nói sai, nói phải, nói quấy rồi khen chê, thương ghét, v.v. Đúng sai nào có khác hai bề mặt của một đồng tiền, đúng đó rồi cũng có thể sai đó. Phải quấy cũng do một người, chỉ vì tâm bệnh mà ra. Có gì là hai, có gì cố định. Vậy thì còn khen chê làm chi, thương ghét làm gì. Nếu cần phải khen là cốt để khuyến thiện, cốt để giúp người được vui tươi hạnh phúc, ổn định tâm hồn.

Nếu cần phải thương là để cứu người sa cơ, thất thế, già cả, tật nguyên hay gặp hoạn nạn, đó là hành thiện tạo nghiệp lành.

Còn phỉ báng chê người, hay hờn giận ghét người chỉ có chuốc lấy ác nghiệp mà thôi.

Muốn “*vô ngôn hành*” được như lời Đức Lão Tử khuyên để tạo phước huệ, để đạt Đạo thì phải dùng Trí như Đức Ngài đã dạy. Trí đây là Trí Đạo tức Trí Tuệ Giải

Thoát mà nhà Phật gọi là Trí Tuệ Bát Nhã, Đạo Cao Đài gọi là Trí Vô Đối chớ không phải trí thế gian.

Trí Đạo hay Trí Tuệ Giải Thoát, theo tôn giáo Cao Đài, là trí thấy được “*Nhược thiệt nhược hư; Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa; thị không thị sắc; vô vi nhi dịch sử quân linh*” và còn nhiều nữa bàng bạc trong Kinh và Cơ Đại Đạo. Còn trí thế gian là trí làm cho mạnh được yếu thua, khôn còn dại mất...

Về trí thế gian thì Đức Lão Tử chê lắm. Trong Đạo Đức Kinh, Đức Ngài có nói như sau: “*Đại trực nhược khuất, đại xảo nhược chuyết, đại biện nhược nột*”, nghĩa là rất thẳng dường như cong, rất khéo dường như vụng, rất hùng biện dường như lấp bấp ấp úng vậ.

Có người khéo nói, nói giỏi, thường nói thao thao bất tuyệt để tranh biện, chứng tỏ rằng mình giỏi, mình hơn người, lý luận mình sắc bén, v.v. để rồi từ đó thấy người thua, người dở, mà nào có biết đâu khi mình càng trở tài hùng biện, phóng chạy theo sự tướng thì tâm mình chỉ chứa chấp toàn vọng niệm điên đảo của thế gian chớ nào phải tâm Đạo. Dùng trí thế gian để hơn thua, theo vọng tâm để tranh chấp, chỉ cốt làm bại hoại cái tâm Đạo mà thôi.

C- Ác ngữ

Phần A và B đã bàn về Vọng ngữ, Xảo ngữ, Lưỡng ngữ. Trong phần C xin được lạm bàn về Ác ngữ:

Con người bản ngã vốn ham sống và bảo vệ cuộc sống của mình bằng mọi cách. Theo triết gia Pháp Henri Bergson thì đây là một thực tế. Triết gia Bergson mô tả sức

sống mãnh liệt của con người (élan vital) qua hai bản năng. Đó là bản năng sinh tồn (instinct de conservation) và bản năng tàn phá (instinct de destruction). Hai bản năng này làm cho con người thiên về ác hơn là thiện.

Vì để bảo vệ mình (instinct de conservation) nên bằng mọi cách con người phải diệt trừ tất cả mọi mầm mống, mọi yếu tố, mọi sự vật có thể làm hại đến mình.

Rồi với cái đà sức sống vươn lên (élan vital) con người phải tàn phá tất cả những gì cản trở đường mình đi, con đường tiến thủ của mình. Do đó mà trong việc làm hay lời nói, con người thường hay tìm cách vùi dập, đè bẹp người khác, dù cho việc làm ấy có đúng hay sai đối với lương tâm, con người vẫn thường làm. Làm và nói để chứng tỏ ta hay người dở, ta đúng người sai, ta phải người quấy, ta tốt người xấu, và nhất là ta cao và mọi người đều thấp hơn ta. Tất cả việc làm, lời nói càng ngày càng làm cho con người giảm thiện tăng ác nếu chẳng biết tu đúng theo con đường Chơn Đạo.

Biết rõ người thế gian như vậy nên Đức Chí Tôn trước đây đã lần lượt sai các con Ngài xuống trần lập Đạo để dạy người đời tránh ác làm lành.

Ngày nay, Đức Chí Tôn tự Ngài giáng trần dạy Đạo với nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ngài đã qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, vì vậy mà trong giáo lý Đạo Cao Đài có tất cả tinh túy giáo lý của tất cả các Đạo khác, trong đó việc hành thiện tránh ác là một Giáo pháp.

Đức Chí Tôn dạy các con Ngài một khi đã nhập môn rồi thì phải giữ gìn ngũ Giới, mà trong Ngũ Giới thì ngũ Giới là khó nhất, vi tế nhất, phạm hay không

thường ở tại Giới này.

Thật vậy, giết người, trộm cắp hay tà dâm rất dễ tránh, nhưng nói làm cho người đau khổ mà có khi mình hầu như không hay biết, thật khó tránh. Đây là một nét vi tế về ác ngữ, do ác khẩu mà ra. Chính vì sự vi tế của ngôn ngữ mà Thầy khuyên bảo các con Thầy nên thận trọng cẩn ngôn, ít nói càng tốt, không nói càng hay.

Không nói đây chẳng phải không nói gì cả vì nếu không nói gì cả thì con người làm sao giao tiếp với nhau được.

Có nhiều người hiểu lầm chỗ này rồi tịnh khẩu, không nói lời nào, nhưng đi đâu thì cầm theo cây viết và tờ giấy. Hễ muốn hỏi gì ai thì viết ra và có ai hỏi gì thì không trả lời thành tiếng mà chỉ viết trên giấy để trả lời thôi. Họ không biết rằng đó cũng là một trong nhiều cách nói. Người ta có thể nói bằng cách ra dấu, bằng hành động (body language) như đưa hai tay lên là nói đầu hàng, nhăn mặt là nói đau hay nói không đồng ý, v.v. Như vậy dù lời không nói nhưng ý lại có nói.

Tóm lại, như trên đã trình bày, lời nói tự nó không có. Nó do 8 duyên hợp mà thành. Trong 8 duyên hợp này quan trọng nhất là ý (não). Lời nói là do từ ý mà nói. Không nói là không có ý để nói. Ý là chủ, là thể mà lời chỉ là dụng, là phương tiện mà thôi. Nếu con người không có ý thì làm sao nói ra lời được.

Như vậy, không nói lời ác là tự nơi ý đã không ác rồi.. Tương quan giữa lời nói và ý mật thiết như vậy.

Do đó, hễ tránh được ý ác thì sẽ không có nói ác. Điều quan trọng là phải tránh từ ý để không gây ra Thân

ngiệp và cả Khẩu nghiệp, chớ lời nói thì khi cần con người vẫn phải nói.

Nhưng cần đây là cần những gì?

Phàm con người ai cũng thích nghe lời nói êm tai, lời nói thiện lành. Cái mà con người cần, đó là lời nói nho nhã, thanh tao, ngay thẳng thật thà, thương yêu đoàn kết, an ủi lẫn nhau, v.v... Vậy để vừa lòng người cũng như thuận lòng Trời (thuận như tâm ất thuận Trời), người tu nếu cần phải nói thì nên nói những gì có đạo lý, thiện lành và nên tránh những lời nói ác.

Thầy có dạy rằng:

*“Nho nhã con tua tập tánh tình,
Ở đời đừng tưởng một mình lành.
Một câu thất đức thiên niên họa,
Nhiều nơi trăm luân bởi ngon ngành”.*

Chỉ một câu thất đức thôi là có thể bị họa đến cả ngàn năm. Vậy nói thất đức, nói ác làm chi để phải bị trăm luân. Nói ác là nên tránh. Tránh được nói ác cũng là một bước trong 10 bước tiến tu lên Thập Thiện.

Muốn đạt đến Thập Thiện để siêu thăng, trước tiên người tu phải giữ Giới cấm, đừng thất ác vì trong Ngũ Giới Cấm của Đại Đạo có đến 8 điều cấm chớ không phải chỉ có 5 thôi.

Dừng thất ác là bước đầu để hành trì Thất Thiện. Thất Thiện đó là:

1. Thay vì sát sanh, nên phóng sanh.
2. Thay vì trộm cắp, nên bố thí.
3. Thay vì tà dâm, nên giữ trong trắng, trinh bạch.

4. Thay vì nói láo, nên nói thật.
5. Thay vì nói thêm bớt, thêu dệt, nên nói ngay thẳng, trung chính.
6. Thay vì nói đâm thọc, nên nói lời hòa hợp, đoàn kết.
7. Thay vì nói lời độc ác, nên nói nho nhã thanh tao, thiện lành, thương yêu hòa ái, an ủi người.

Còn ba thiện nữa là phải tránh tam độc: Tham, Sân, Si (tà kiến). Tam độc này rất khó tránh, dù vậy cũng tránh được, và trong Kinh Cơ Đại Đạo cũng có dạy.

Để có thể tránh tam độc, hoàn thành tam thiện cuối cùng, điều quan trọng là người tu phải cố gắng trước tiên hành trì tam thiện về thân và tứ thiện về ngôn. Đặc biệt về ngôn, người tu nên thận trọng cẩn ngôn và luôn luôn nhớ rằng:

*“Đạo bốn vô ngôn
Ngôn sinh lý tán
Ngôn ngữ Đạo đoạn”.*

KẾT LUẬN

KẾT LUẬN

1)- Muốn giữ được kiếp làm người trong Luân hồi, người tu nói riêng hay con người nói chung phải giữ gìn Ngũ Giới, nói khác hơn giữ được Ngũ Giới là giữ được kiếp làm người trong tái kiếp mai sau.

2)- Muốn được siêu thăng “*Thiên Đàng liên đến*” như lời Lục Tổ Huệ Năng đã nói, người tu phải cố gắng hành trì Thập Thiện.

Trong hạnh hành trì Thập Thiện thì việc tránh được ba nghiệp nơi thân con người có thể thực hành không khó lắm. Có khó chăng là bốn nghiệp về khẩu tức lời nói.

Riêng còn lại tam độc Tham, Sân, Si nếu muốn tránh được để kiện toàn tam thiện cuối cùng thì điều cần yếu trước tiên là con người phải cố tỉnh thức, tránh khỏi Si mê. Càng tránh được Si mê thì con người càng tránh được Tham và Sân. Nói rõ hơn tránh được Si mê càng nhiều thì con người càng tránh được Tham, Sân và càng dễ dàng đạt Đạo, giải thoát thành Phật, tránh được Luân hồi.

3)- Quyển sách này được viết với mơ ước, nhắn nhủ cùng nhau xa lánh Luân hồi, mà mục đích trước tiên và hiện tại là phải làm sao tránh được bốn nghiệp liên quan đến lời nói.

Để tránh được bốn nghiệp liên quan đến lời nói tức khẩu nghiệp, xin được kể lại hai câu chuyện sau đây:

❖ Câu chuyện thứ nhất nói về một nhà Sư:

Có một nhà sư ngày nọ leo lên một cây cao. Có một người bắt chợt đi ngang qua thấy nhà sư đang ở trên cây cao mừng quá, vì người ấy có một việc muốn hỏi nhà sư,

nhưng từ lâu không gặp được.

Người ấy hỏi nhà sư rằng:

“Vây chớ ý của Tổ Sư Đông Độ là như thế nào?”

Nhà sư nhìn xuống định đáp thì rủi xảy chân té. Nhà sư quơ tay nhưng thay vì tay chụp trúng thì miệng lại cắn được một cành cây. Nhà sư lúc đó không làm sao dám hả miệng ra để trả lời vì nếu hả miệng ra nói thì sẽ bị rớt xuống đất, tan xương nát thịt.

❖ **Còn câu chuyện thứ hai được rút ra từ quyển “Giai thoại nhà Thiền” với tựa đề “Họa tùng khẩu xuất”.**

Chuyện kể rằng thuở xưa có con rùa, gặp phải lúc hạn hán, nước hồ ao đều cạn, không biết đi đâu cho có nước. Bấy giờ có hai con hạc trắng đậu trên cây gần đó. Rùa vội vã nhờ hạc giúp mình đến chỗ có nước. Hạc thương tình hứa giúp đỡ nhưng trước khi đi lại dặn rùa không được nói chuyện, sẽ có hại.

Rùa vâng chịu. Hai con hạc mới dùng mỏ kẹp một sợi dây nhỏ và bảo rùa ngậm vào. Thế rồi hai con hạc bay lên hư không.

Khi bay ngang một làng kia, gặp trẻ nhỏ đang vui chơi nhìn thấy, nói với nhau rằng:

– Ý, ngộ quá bây ơi! Hai con hạc với con rùa công với nhau kia. Ý ngộ quá! Ý ngộ quá!

Rùa nãy giờ trong bụng hết sức nhẫn nhục, vì nhớ lời hạc dặn. Nhưng khổ nỗi, các trẻ nhỏ cứ trêu chọc mãi, rùa mới hả miệng định chửi các trẻ nhỏ, nhưng chưa thành lời thì liền rơi xuống đất và bị chúng bắt ăn thịt.

Do vậy, tất cả mọi người phải cẩn thận nơi miệng,

nếu không sẽ bị hại thân.

*“Ai ơi! ít nói là vàng,
Nói nhiều, nhiều lỗi trái ngang cũng nhiều.
Chi bằng ít nói bao nhiêu,
Khỏi điều phiền nã, khỏi điều thị phi.
Hằng ngày tam nghiệp vô vi,
Không tranh nhân quả có gì đảo điên.
**Không nghiệp chướng, chẳng lụy phiền,
Vô ưu, vô nã, nương thuyền tiêu dao”**.*

Với hai câu chuyện ghi trên, chuyện thứ nhất muốn khuyên người đời nên nói đúng lúc, đúng chỗ, đúng nơi, nên thận trọng, cẩn ngôn. Nên lựa lời mà nói. Nên nói ít càng hay, chẳng nói gì thì càng tốt.

Chẳng nói gì cả đó là trường hợp của nhà sư. Nhà sư chẳng nói một lời vì nếu mở miệng ra thì tan xương nát thịt. Lời nói nó tai hại như vậy đó. Biết bao nhiêu người tán gia bại sản hay tan nát xác thân cũng tại vì lời nói mà thôi. Nói thiện, nói lành, nói lời nho nhã thanh tao, thương yêu hòa ái hay nói để an ủi người, cứu vớt người thì nên nói, bằng trái lại nói láo, nói thù dật, thêm bớt, nói đâm thọc hay lời nói độc ác thì trong hiện đời chỉ tự chuốc họa vào thân và tái kiếp thì chắc chắn không làm sao tránh khỏi ngữ ngôn nghiệp chướng.

Còn về chuyện con rùa:

Câu chuyện này muốn nói với người đời rằng chỉ vì tâm còn Tham, Sân, Si, miệng còn ham ăn nói, chưởi bới mắng nhiếc người mà con rùa phải tan xương nát thịt.

Có nhiều người ở đời cũng vậy. Chỉ vì ham ăn ham nói, đôi khi lại nói chẳng thiện lành mà chỉ toàn lời độc ác,

vì thế nên mới rước họa vào thân, tự mình chuốc lấy khổ đau mà lại còn gây khổ đau cho bao nhiêu người khác nữa.

Để kết luận, xin ghi lại đây lời của người xưa thường nói:

Người xưa thường hỏi rằng tại sao mỗi con người ai cũng đều có hai lỗ tai, hai con mắt, hai lỗ mũi mà lại chỉ có một cái miệng?

Có hai lỗ mũi là để thở được nhiều không khí nuôi thân. Có hai con mắt là để thấy rộng, biết nhiều, giúp con người dễ tỉnh thức giác ngộ và lo tu hành. Còn có hai lỗ tai là để giúp con người nghe nhiều hơn là nói. Nếu chỉ thích nghe mà ít chịu nói thì bảo đảm sẽ được mọi người thương, an nhiên tự tại, dù không tu mà khác nào đã có tu nhiều. Con thỏ nó đẹp là nhờ có hai tai đứng, thẳng, cao và dài. Hai tai cao và dài giúp thỏ nghe nhiều, chạy lẹ nên ít khi bị chết oan. Nếu hai tai của thỏ cũng ngắn, nhỏ và hẹp thì thỏ nào có khác chi mèo. Hai tai là để nghe, cái miệng là để nói. *Hai tai là để nghe nhiều, một miệng là để nói ít.*

Càng nói ít chừng nào thì càng tốt chừng nấy. Điều nên nhớ, như thế nhân thường nhắc là “*Con ếch nó chết chỉ vì cái miệng mà thôi*”.

Càng ít nói, con người càng an toàn và càng dễ tránh khẩu nghiệp.

Tránh được Khẩu nghiệp cũng như Thân nghiệp và Ý nghiệp, con người sẽ dễ lên Thiên Đàng, dễ dàng thành Phật, có câu:

*“Tam nghiệp hằng thanh tịnh,
Đông Phật vãng Tây Phương”.*

Soạn giả:
Hiền Tài Lê Văn Thêm (Tự Bạch Y)



**Giới, Đường tới Thiên Đàng
Precepts, The Way to Paradise**

Soạn giả: HT. Lê Văn Thêm

Chủ trương

BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI

Trình bày

HT. Nguyễn Ngọc Dứ HT. Nguyễn Văn Câu

Đánh máy

HTDP. Nguyễn Đăng Điền

Nguyễn Ngọc Dao

Phát hành

HT. Nguyễn Đăng Khích

SÁCH BIỂU – KHÔNG BÁN

Địa chỉ liên lạc:

Ban Thể Đạo Hải Ngoại

3076 Oak bridge Dr.

San Jose, CA 95121-1716

Điện thoại: 408-238-6547, Fax: 408-440-1372

Email: dutani@comcast.net

TRI ÂN

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI XIN THÀNH THẬT TRI ÂN:

- Quý Đồng Đạo
- Các Cơ Sở Đạo và Cơ Sở kinh doanh.

- Quý vị Đạo tâm và Thân hữu đã tích cực yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại, Tập San Thế Đạo trong việc phổ truyền Chơn pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh từ ngày Ban Thế Đạo Hải Ngoại được thành lập (tháng 12 năm 1995) cho đến nay, đặc biệt là trong việc in Kinh sách, Bản tin, Tập san. Nếu không có sự yểm trợ quý báu và đều đặn này chắc chắn là Ban Thế Đạo Hải Ngoại không có được sinh hoạt như ngày hôm nay.

Thành tâm cầu nguyện hai Đấng Phụ Mẫu Vạn Linh và các Đấng Thiêng Liêng chan rưới Hồng Ân cho toàn thể Quý Huynh, Tỷ cùng gia đình luôn được dồi dào sức khỏe, vạn sự an lành và tu tấn trên đường lập vị.

Thành thật tri ân.

San Jose, tháng 07-2009

GIỚI,
ĐƯỜNG TỚI THIÊN ĐÀNG
SOẠN GIÁ: HT. LÊ VĂN THÊM

